8°
INDO-CHINOIS
2167

淨土宗

QUYỂN THỨ NHỨT

NAM-KỲ NGHIÊN-CỨU PHẬT-HỌC HỘI

(ĐIỀU-LỆ CÓ QUAN THỐNG-ĐỐC NAM KỲ PHÊ NGÀY 26 AOÛT 1931)

Hội-quán tại Chùa Linh-Sơn -:- 149, đường Douaumont, Saigon

TỊNH-ĐỘ-TÔNG

20746

TRÍCH LỤC TRONG PHẬT-HỌC TẠP-CHÍ

"TỪ'-BI-ÂM"

CÓ QUAN TOÀN-QUYỀN CHO PHÉP XUẤT BẢN MỘT THÁNG HAI KỲ

TÒA-SOẠN TẠI CHÙA LINH-SƠN

Số 149, – đường Douaumont, — SAIGON

In kỳ thứ nhứt: 3000 quyển

Giá: 0$30

Cấm rút bài trong quyển nầy mà làm sách riêng.

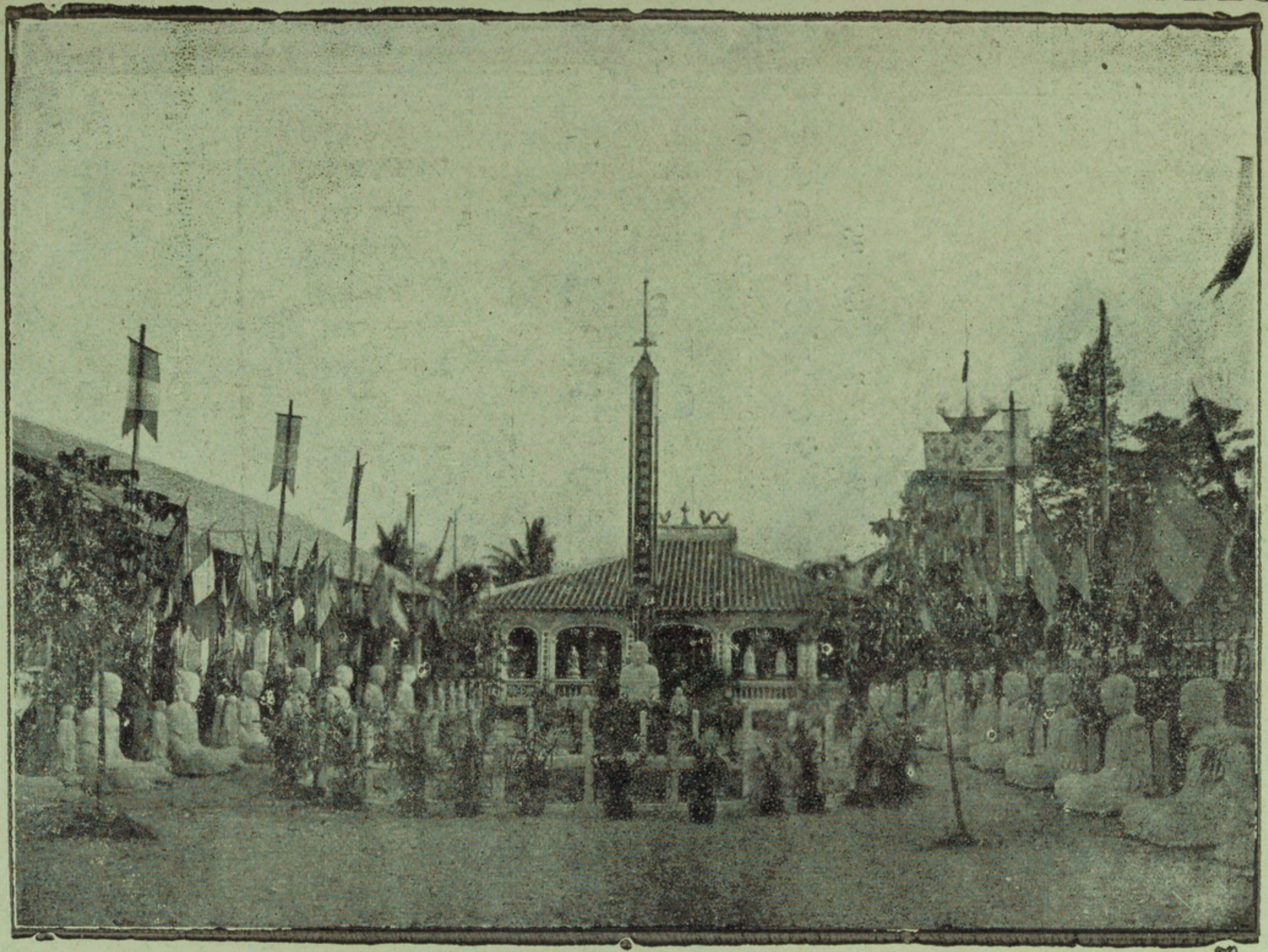

Chùa LINH-SƠN, là Hội-quán của Hội Nam-Kỳ Nghiên-Cứu Phật-Học, ở đường Douaumont, số 149, Saigon. (Lúc khánh-thành ngôi Pháp-Bảo-Phương, hồi năm 1929).

TỊNH-ĐỘ-TÔNG

DEPOT LEGAL INDOCHINE
A° 20746

DÒ NGUỒN TỊNH-ĐỘ

Từng khảo cứu trên mặt lịch-sử tông-giáo, thì đạo Phật từ khi ở Ấn-độ truyền sang nước Tàu, đã gần có hai ngàn năm rồi, mà thiệt ra phổ thông cả dân-gian và in sâu vào trong tâm-não của quần-chúng, thì chỉ có pháp môn Tịnh-độ mà thôi.

Nhưng ngày nay là thời-kỳ lý tri phát đạt, mỗi việc cần phải tìm cho đúng lẽ chơn thật; nên gặp một chuyện gì, chúng ta cũng phải suy xét cho thấu chỗ gốc ngọn của chuyện đó; nếu không rỏ biết mà theo bướng tin càng, thì cái theo ấy là theo đui theo mù, cái tin ấy là tin lầm tin lạc, chớ không nhằm gì.

Phật A-Di-Đà là một vị Giáo-chủ thống nhiếp riêng một cái thế-giái ở ngoài mười vạn ức cỏi Phật, ngài thiệt không khi nào hiện-thân đến thuyết pháp trong đòi ngủ-trược nầy.

Vậy chúng ta tại sao biết đặng danh-hiệu của ngài, mà xưng niệm và phát nguyện vãng sanh ?- Có phải là nhờ đức Thích-Ca bổn-sư chỉ bảo mà giới thiệu cho ta hay không?

Đức Thích-Ca bổn-sư ta, thuyết pháp trong bốn mươi chín năm, giảng kinh trải ba trăm dư hội, mà thời nào hội nào cũng có bực đệ-tử thượng-tọa một ngàn hai trăm năm mươi người và cả chúng Long-Thiên đông đủ theo hầu nghe pháp, mà pháp-môn Tịnh-độ ấy là Phật ở về địa-phương nào và đối với người nào mà thuyết ra ?

Sau lại có người nào y pháp tu trì mà nối nhau hoằng dương cái tông-chỉ đó hay không ?

Vậy chúng ta cũng phải khảo cứu cho kỹ, rồi sau mới có thể sanh lòng tin, khởi lòng làm và phát nguyện vảng sanh một cách không đổi dời, không lui sụt, mà đạt tới mục-đích đặng.

Đức Thích-Ca bổn-sư ta, vì xem thấy cái thảm-trạng của chúng-sanh luân hồi trong lục-đạo chịu nỗi thống khổ, mà

8° Indoch.
2167

ngài động lòng thương xót, muốn tế độ chúng-sanh ra khỏi Tam-giái, nên mới mở môn phương-tiện mà khai thị pháp mầu.

Khi Phật ở tại núi Kỳ-xà-khốt, nơi thành Vương-xá, thì đối với ông A-Nan và ngài Di-Lặt mà nói kinh Vô-Lượng Thọ, rồi Phật phú chúc cho ngài Di-Lặt hoằng-dương hóa độ.

Khi Phật ở tại cung vua Tần-Bà-Ta-La, nơi thành Vương-xá, thì Phật vì bà Vi-Đề-Hi phu-nhơn mà nói kinh Quán-Vô-Lượng-Thọ, rồi Phật bảo ông A-Nan giảng diễn lưu thông.

Còn khi Phật ở nơi Kỳ-hoàn-tinh-xá, tại nước Xá-vệ, thì Phật đối với ông Xá-Lỵ-Phất mà nói kinh A-Di-Đà, rồi Phật khắp khuyên hết thảy chúng-sanh, phát nguyện vảng-sanh về cỏi Tây-phương Cực-lạc Thế-giái.

Cái giáo-nghỉa căn-bản của Tịnh-độ-tông, là đầu tiên gốc trong ba bộ kinh đả nói trên đó mà gầy dựng ra. — Đến sau Phật nhập diệt rồi, thì ngài Di-Lặt, ngài Văn-Thù, và ngài A-Nan cùng các bực đại-bồ-tát, nhóm nhau tại núi Thiết-vi mà kiết tập các kinh Đại-thừa.

Ba bộ kinh đã nói trên đó cũng đồng thời kiết tập trong lúc ấy mà truyền bá ra Thế-gian.

Bắc đầu từ sơ-tổ là ngài Ca-Diếp, nhị-tổ là ngài A-Nan, cho đến ngài Sư-Tử tôn-giả, thì trong khoản hai mươi bốn Tổ thứ lớp nối nhau đó, cũng có nhiều vị đối với giáo nghỉa Tịnh-độ mà lập được cái công huân rất kỳ đặt, như là :

1°- Tổ thứ 12 là ngài Mã-Minh bồ-tát, thì tạo ra bộ Đại-thừa-khởi-tín-luận, mà kiến lập các môn phương-tiện vảng-sanh Tịnh-độ bất-thối.

2°- Tổ thứ 14 là ngài Long-Thọ bồ-tát, thì tạo ra bộ Hoa-nghiêm thập-trụ tì-bà sa-luận, thuật rỏ cái bản-nguyện của đức A-Di-Đà mà khuyên chúng-sanh sanh về nước An-dưởng.- Ngài lại có tạo ra quyển Thập-nhị-lễ-luận mà giúp về hành-nghi vãng-sanh.

3°- Tổ thứ 21 là ngài Thiên-Thân bồ-tát, thì tạo ra sách Tịnh-độ-luận mà mở bày môn Ngủ-niệm, chỉ rỏ nghĩa Tam-kinh.- Đó cũng là một bộ sách trọng-yếu kiến lập nên cái cơ-sở cho Tịnh-độ-tông.

Vậy nên xưa nay thường gọi rằng ba kinh một luận là đó.

Thử coi như ngài Văn-Thù, thì kiết tập kinh giáo đại-thừa, trụ thế lưu thông đả bốn trăm năm mươi năm. Còn sau khi Phật nhập diệt cách ba trăm bãy mươi năm, thì ngài Mã-Minh bồ-tát ra đời; cách năm trăm ba mươi năm, thì ngài Long-Thọ bồ-tát xuất thế; đến qua lối tám chín trăm năm, thì ngài Thiên-Thân bồ-tát hiện thân hóa độ.

Mấy ngài ấy đều là bực Đại-thánh-nhơn ở Tây-vức (Ấn-độ), mà cũng đều làm ông Tổ bên Tịnh-độ-tông cả. Vậy thì biết chỗ phát nguyên của Tịnh-độ-tông rất lâu dài và căn-cứ của Tịnh-độ-tông rất xát đáng rồi.

Huống chi chẳng những kinh giáo ấy là kinh giáo chuyên nói về Tịnh-Độ-tông mà thôi, đến như trong các kinh đại-thừa mà kim nói qua lý thuyết Tịnh-Độ, hay là nói các pháp khác mà kiết luận đem về tông-chỉ Tịnh-Độ, thì lại càng nhiều không kể xiết nữa.

Tại sao vậy ?- Vì pháp-môn Tịnh-Độ là một pháp-môn rất viên rất đốn, thiệt trong phương-tiện mà phương-tiện tột bực, trong thiệp-cảnh mà thiệp-cảnh hết sức. cao hơn các pháp, lợi khắp các căn; có năng-lực xông ra Tam-giái, thẳng tới Bồ-đề, chẳng những chúng ta là hạng chúng-sanh khổ nảo ở trong đời ngủ-trược nầy nên phải tín-thọ phụng-hành mà thôi, cho đến hết thảy chúng-sanh trong chín cỏi pháp-giái kia, nếu bỏ Tịnh-Độ, thì trên không thế gì viên mản đặng Phật-quả, dưới không thế gì hóa độ đặng hàm-linh.

Cho nên pháp-môn nào cũng do đó mà lưu bố, và hạnh-môn nào củng do đó mà an trụ, rất đổi Chư-Phật trong mười phương cũng lấy Tịnh-độ làm chổ qui-xu là khác nữa.

Kinh Hoa-nghiêm nói : Ngài Thiện-Tài đồng-tử đi tham học năm mươi ba người thiện-tri-thức đã chứng đặng cái địa-vị đẳng-giác, mà rốt sau ngài còn đồng với bốn mươi mốt vị pháp-thân đại-sĩ hồi hướng phát nguyện vảng-sanh về cõi Tây-phương Cực-lạc thế-giái, đặng quyết kỳ cho viên mãn Phật quả.

Trong kinh Bảo-Tích nói : Phụ-vương của Phật chấp tay bạch với Phật rằng : « Tu hành cách nào sẻ đặng đạo của Chư-Phật ?»

Phật nói : « Hết thảy chúng-sanh đều tức là Phật. Vậy nay phụ-vương phải chuyên cần tinh tấn niệm Phật A-Di-Đà ở cỏi Tây-phương Thế-giái, thì sẽ đặng thành Phật đạo ».

Nếu xét rỏ mấy bộ kinh luận trọng yếu và mấy vị Tổ-sư hoằng dương về Tịnh-độ-tông như đả dẫn trên đó, thì chúng ta củng đủ tin rằng pháp-môn niệm Phật thiệt có chỗ tự-lai, chớ không phải là giả-tạo và không phải là mê-tín rồi.

Vậy xin hết thảy các bạn học Phật, nếu ai lâu nay đối với pháp-môn niệm Phật mà chưa sanh lòng tin, thì ngày nay phải tin ; còn như ai đả tin rồi. thì ngày nay phải tin một cách cho tăng tiến hơn nửa, rồi cùng nhau nhứt tâm niệm Phật, phát nguyện vảng-sanh, thì cái hạnh phước tương lai của chúng ta không thể nói được.

Trên đó đã dò xét thấu cái căn-nguyên Tịnh-độ-tông, mà tìm ra các thứ kinh điển căn bản của tông ấy, và nói rỏ sự hoằng-truyền của mấy vị Tổ-sư bên Tây-thiên, là có ý gầy dựng cái nền-móng niệm Phật cho vững bền, đặng cống hiến một món tín-ngưỡng chắc chắn cho Chư-phương độc-giả trong lúc nghiên-cứu nầy.

Bây giờ đây lại xin truy cứu cái thời-đại Phật-giáo ở Ấn-độ truyền sang qua Tàu, và mấy vị Đại-đức hoằng-dương về pháp-môn Tịnh-độ ở Trung-quấc, để làm ông thầy hướng-đạo cho chúng ta.

Sau khi đức Thích-Ca bổn-sư ta Song-lâm thị-tịch(1) rồi, ước chừng cách một ngàn mười mấy năm, chính nhằm thời kỳ niên-hiệu Vĩnh-bình, vua Minh-Đế đời Hậu-Hán nước Tàu, thì có ngài Ca-Diếp Ma-Đằng và ngài Trúc-pháp-Lang ở Ấn-độ sang qua đó mà hoằng-dương tông-chỉ của Phật-Đà. — Đó là thời kỳ đầu tiên Trung-quốc có Phật-giáo.

Từ ấy nhẫn sau, các ngài Tam-tạng pháp-sư ở Ấn-độ nối nhau qua Tàu, ngài nào cũng đều có đem theo bản kinh chử Phạm, rồi ngài thì phụng-chiếu vua mà phiên dịch ra chử Hán, còn ngài thì lo tự diễn một mình trong thảo-am; cho nên các kinh căn bản của Tịnh-độ-tông cũng truyền sang Tàu từ trong lúc ấy.

Đến đời Đông-Tấn, có ngài Đạo-An pháp-sư làm sách Tịnh-độ-luận, mở trường pháp-nghĩa, nêu rỏ chánh-tông, có nhiều chỗ phát huy rất thấu đáo.

Đồng thời đó, lại có ngài Huệ-Viễn đại-sư qui tập cả tăng-tục và mấy bực danh-lưu trong đương thời, cọng là một trăm hai mươi ba người, kết làm Hội « Bạch-liên-xả » ở núi Lô-sơn, tỉnh Giang-tây, thệ nguyện cùng nhau, chuyên tu Tịnh-nghiệp.— Trong lúc ấy những người đồng-hội vảng sanh về Tịnh-độ cũng nhiều và có lắm điều hiển-chứng.

Ngài Huệ-Viễn lại có làm tập « Lô-sơn » mà truyền bá trong đời; thiệt ngài chính là một vị sơ-tổ của Tịnh-độ-tông bên Trung-quốc.

Kế có ngài Đàm-Lan ở nhà Ngụy, là người tu theo cái thuyết «trường-sanh bất-tử» của Tiên-gia, đến khi gặp đặng đức Bồ-đề Lưu-Chi ở Ấn-độ sang, trao cho ngài bộ kinh Quán-Vô-Lượng-Thọ, thì ngài liền bỏ dứt đạo Tiên mà chuyên tu qua pháp Thiền-quán, rồi ngài do chỗ tâm-đắc ấy mà tạo ra hai quyển Vảng-sanh luận-chú.— Thiệt là một nhà trứ-thuật có danh tiếng về phái Liên-tông ở nước Tàu.

Sau có ngài Đạo-Xước ở nhà Đường, nối theo nghiệp Tịnh-độ của ngài Đàm-Lan, giảng kinh Quán-Vô-Lượng-Thọ ở nơi chùa Huyền-trung, có nhiều điềm hiển ứng rất

(1) Song lâm thị tịch, *nghĩa là Phật nhập diệt tại rừng Ta-ba sông-thọ.*

tốt, kẻ đạo người tục trong thời đó xu-hướng theo ngài, không khác nào trăm ngọn sông đều chảy về biển. Ngài có làm ra tập « An-lạc » để chứng rỏ chỗ mầu của Tịnh-độ mà làm cái bằng cớ xát tin cho chúng-sanh.

Tiếp đó lại có ngài Thiện-Đạo Hòa-thượng ở chùa Quang-minh, nơi Trường-an, thừa kế theo cái di-chí của ngài Đàm-Lan và ngài Đạo-Xước, có làm ra mấy quyển là: Quảng-kinh tứ-thiếp-sớ, Đại-sớ và Tịnh-độ pháp-yếu, rồi ngài đem hết tâm lực mà hoằng dương cái tông-chỉ Tịnh-độ tại chốn Trường-an, trên từ bực quyền qui giàu sang, dưới đến kẻ làm thuê ở mướn, cũng đều tín-hướng theo cả.

Từ Đường-triều nhần sau, thì những người niệm Phật, đều lấy ngài Thiện-Đạo Hòa-thượng làm tông-chủ.

Có ngài Hoài-Cảm pháp-sư là người nghiên-cứu pháp tướng rất rành, sau lại qui đầu theo Hòa-thượng Thiện-Đạo mà xuyễn dương về pháp Tịnh-độ. — Ngài có làm quyển «Quyết-nghi-luận» để phát minh những chỗ nghi trệ; thiệt ngài có cái đại-công-lao với Tịnh-giáo rất nhiều.

Còn ngài Pháp Chiếu thiền-sư là người Tông-giáo đều thông, đã từng chiếm cái trọng-danh trong đời đó, ai ai cũng phong ngợi là một vị anh-triết. Đến sau ngài cũng mở môn Tịnh giáo nhiêu ích cho đời.

Ngài từng thấy cái cảnh-giái của đức Văn-thù Bồ-tát nơi núi Thanh-lương (1) hiện trong cái bình bát của ngài, rồi sau ngài thân hành đến núi Ngủ-đài-sơn mà thấy đặng đức Văn-Thù và ngài Thiện-Tài, người trong thời đó ai cũng nói ngài là thân sau của Hòa-thượng Thiện-Đạo chuyển thế cả.

Lại có ngài Thiếu-Khương pháp-sư là người thông suốt cả Luật-tạng và nghiên cứu kinh Hoa-nghiêm, rỏ rành pháp

---

(1) Núi Thanh-lương, tức là núi Ngũ-đài-sơn mà khác tên. Núi ấy ở về địa-phận Châu-Đại nước Tàu. Phẩm Bồ-tát Trụ-xứ trong kinh Hoa-nghiêm nói rằng : ở phía Đông-bắc có một chỗ kêu là núi Thanh-lương-sơn, từ xưa đến nay các vị Bồ-tát thường trụ trong đó ; mà hiện thời thì có vị Bồ-tát tên là Văn-Thù Sư-lỵ, và một muôn vị Bồ-tát khác nữa, thường ở trong đó mà diễn thuyết pháp mầu.

tướng, chỗ thần-giải siêu việt hơn người, mà ngài cũng tu theo pháp-môn niệm Phật và khuyến hóa cho người đời tu theo nửa.

Cho đến ngài Trí-Giả ở núi Thiên-Thai, ngài Các-Tạng ở chùa Gia-tường, ngài Pháp-Thường ở chùa Phổ-quang, ngài Qui-Cơ ở chùa Từ-ân, ngài Viên-Trắt ở chùa Tây-minh, và mấy vị pháp-sư như là: ngài Long-Hưng, ngài Nguyên-Hiểu, ngài Huệ-Tịnh, ngài Trị-Vị, ngài Quyền-Nhứt, ngài Cảnh-Hưng, ngài Tri-Lễ, vân vân.... mấy ngài ấy tuy là ngài nào cũng hoằng dương cái tông-chỉ riêng nhưng cũng kim thông qua Tịnh-giáo, hoặc ngài thì chuyên tu phần mình, hoặc ngài thì do đó mà khuyến hóa người đời, cũng đều công nhận Tịnh-độ là một pháp-môn phổ lợi hơn hết.

Vậy chúng ta uống nước phải biết nhớ nguồn, học đạo không nên quên Tổ, phải do trong đa số đại-đức ấy mà chọn định mấy vị nào học hạnh siêu việt, để làm ông lảo tổ cho chúng ta sùng bái, thì mới thừa gia kế nghiệp mà giữ lấy tông-môn đặng.

Từ ngài Thạch-Chí-Hiểu thiền-sư hồi đời nhà Tống, lấy ngài Huệ-Viễn, ngài Thiện-Đạo, ngài Thừa-Viễn, ngài Phát-Chiếu, ngài Thiếu-Khương, ngài Diên-Thọ và ngài Tỉnh-Thường mà định làm bảy vị Tổ bên Liên-tông, là ý của ngài muốn tiêu biểu cái danh-vị tôn-phong, cái thời-đại thừa kế, cho có hệ thống, có trật tự, đặng đời-đời nối nhau mà tiếp truyền chánh mạch, khiến kẻ niệm Phật đời sau do theo đó mà phụng làm gia-pháp, có chỗ nương về, khỏi đến nỗi lộn xộn rã rời mà lầm đường lạc ngỏ.

Đến triều nhà Minh, công chúng trong thời ấy lại cử ngài Liên-Trì đại-sư (1) làm vị Tổ thứ tám.

Qua triều nhà Thanh, ngài Ngộ-Khai lại cử ngài Ngẫu-Ích đại-sư làm vị Tổ thứ chín; còn hiện tại bên Tàu ngày nay, lại tôn ngài Tỉnh-Thường pháp-sư làm vị Tổ thứ mười, và ngài Triệt-Ngộ thiền-sư làm vị Tổ thứ mười một.

Đó là các ngài thâm tâm Tịnh-giáo ở Tàu đã khảo cứu trong lịch-sử mà công nhận 11 ngài trên đó là Tổ bên Liên-tông.

---

(1) Liên-trì đại-sư, là ngài Châu-Hoằng ở chùa Vân-thê tại châu Hàn.

Vậy các bạn chuyên tu tịnh-nghiệp ở xứ ta, cũng nên do theo căn-nguyên và lưu-phái ấy mà làm chỗ qui-xu, thì mới khỏi lạc tông-chỉ của mình tín-ngưỡng.

Nếu chẳng rõ thấu căn-nguyên và lưu-phái của Tịnh-độ-tông mà đụng đâu nghe bướn tin càng, thì tất không khỏi lầm theo các thứ tà-thuyết của ngoại-đạo mà uổng phụ cái công-phu tu-trì.

Tức như ở xứ ta lâu nay, có một cái thuyết nói rằng: Niệm Phật là phương pháp định-trí, miễng làm sao cho trí mình đừng xao lảng theo đường dục-vọng là được, chớ không phải niệm Phật mà cầu sanh về Tây-phương.

Lại có một cái thuyết nữa nói rằng: Niệm Phật tức là niệm tâm, miễng làm sao cho tâm mình trau dồi được trong sạch là nhằm, chớ không phải bữa nào cũng kêu tên ông A-Di-Đà mà gọi là niệm Phật.

Rất đỗi còn một cái thuyết khác nữa hay cho người uống bùa đeo niệt mà cũng xưng là đạo Di-Đà, và dạy người lễ lạy sáu hướng (Lục-phương) mà cũng xưng là đạo Tịnh-độ.-

Hết thảy những người xướng ra mấy cái thuyết ấy, đều là người không rõ đến căn-nguyên Tịnh-độ mà nói càng; còn hết thảy những người tin theo mấy cái thuyết ấy, cũng đều là người không rõ đến căn-nguyên Tịnh-độ mà nghe bướn.

Rốt lại một đàng xướng và một đàng nghe, hai đàng đều bị hẩm mình vào trong cái cảnh-giái mịt-mịt mù-mù, mà không thoát ra khỏi ải sanh-tử.

Vậy có phải do cái không rõ đó mà hại cho mình hay không?

TỊNH-ĐỘ-TÔNG

PHÁP TU TỊNH-ĐỘ

Phép tu Tịnh-độ có 14 đoạn, lược thuật dưới đây:

1° Lời lược dẫn;
2° Nguyên-nhơn của phép Thập-niệm;
3° Sự tụng niệm hằng ngày về phép tu Tịnh-nghiệp;
4° Phép niệm Phật phải kỳ số;
5° Niệm Phật cần phải y theo nguyện lực;
6° Chuyên tu có phần lợi-ích;
7° Lòng tín-nguyện phải kiên-cố;
8° Niệm Phật cần phải dứt sự ái-tình;
9° Niệm Phật cần phải giữ giái-hạnh;
10° Niệm Phật cần phải kiết-thất;
11° Niệm Phật lúc đi ngủ, cần phải cho nhớ;
12° Phép hồi-hướng vãng-sanh;
13° Sự quan-hệ trong lúc lâm-chung;
14° Nghi-thức niệm Phật trong hằng ngày.

1° - Lời lược dẫn:

Xưa nay, người đi săn đi củi, phải cho biết rõ đường rừng; kẻ đi tàu đi ghe, phải cho am tường cữa biển.

Nếu đường rừng không rõ, mà cứ lăn-lộn trong lùm trăng mãng, chắc phải nguy-hiểm với sơn-quân; còn cữa biển không tường, mà cứ linh-đinh giữa cảnh phong-đào, ắt không khỏi phiêu-trầm theo thủy-tộc.

Như vậy thì biết người tu, nếu không hiểu pháp môn mà cứ nay đàm thiền, mai thuyết đạo, đầu mồm nói suốt trăm phần diệu, dưới gót không ly một điểm trần, thì tất nhiên phải lầm lạc theo đường sanh-tử, mà không khi nào vào đặng cảnh-giới Niết-Bàn. — Đó có phải là một sự mà chúng ta đáng lo ngày nay hay không?

Nếu biết lo sự sanh-tử mà đi tu, thì phải tìm lấy pháp-môn mà nhập đạo. — Nhưng trong pháp-môn nhập đạo rất dễ dàng, rất thẳng tắt, tu trong một đời người mà vào được nơi bất-thối, niệm chỉ mười tiếng Phật mà chứng được bực vô-sanh, thì tưởng không có pháp-môn nào cho bằng pháp-môn « Tịnh-độ ».

Bởi vì trong pháp-môn ấy, sự lý đều viên, tự-tha gồm đủ.

Nói về lý, thì tâm là Tịnh-độ khắp đã mười phương, tánh vốn Di-Đà tròn vìn một trí ; nếu trong khi bỏ vọng về chơn, tức là đặng ly-trần hiệp-giác, không đợi tu đợi chứng mà tự-nhiên hiện thành.

Nói về sự, thì xưa ngài Pháp-Tạng phát lòng hoằng-thệ, mở đường huyền dựng nước Lạc-ban, sau Phật Thích-Ca chỉ nẻo Tây-phương, tỏ cảnh diệu cho bà Vi-thị. Từ đó về sau, nào là Bồ-tát Thinh-văn, nào là tiền-hiền hậu-thánh, biết bao nhiêu là người sanh về nước Phật, chứng đặng đạo Phật, thấy nghe minh bạch, chứng cớ rõ ràng.

Như nói về phần tự-tha, thì ta lấy tín-nguyện của ta mà tưởng Phật niệm Phật. Còn Phật thì lấy từ-thệ của Phật mà tiếp ta, độ ta; lúc thánh phàm gặp gỡ, như khách xa về tới quê cha; đạo cảm-ứng giao-thông, dường con trẻ nương theo mình mẹ. Nếu chưa tường lẻ diệu, thì gặp sự phải mê; bằng tỏ đặng lời viên, thì việc gì cũng suốt.

Huống chi đức hỉ-xã lợi-sanh lại lớn, lượng từ-bi ứng-hóa không ngằn, đến khi kinh Đại-tạng hết rồi, mà một quyển Di-Đà lưu lại, rất nổi kinh Di-Đà diệt nữa, mà sáu chữ Hồng-danh cũng còn. Có phải là biển-thệ đầy vơi, không tùy theo kiếp số đổi dời mà lưng sụt; cửa Từ rộng lớn, quyết thâu hết chúng-sanh tình thức mà đem về đó hay không ?

Vậy thì chúng ta nên kính thuận chữ vàng, tuân theo lời Phật, đã nghe phép diệu, phải cấy duyên lành, đừng phụ-phàng cái tánh chơn-linh, mà tham mến cuộc đời phiền-não. Xin mau mau trở gót, sớm sớm quay đầu, đem lòng tín-nguyện, niệm Phật Di-Đà, gắng sức tu-hành, giữ môn Tịnh-độ.

Nếu được như vậy, thì chẳng những thân sau ra khỏi ãi luân-hồi, mà hiện thế lại lắm đều duyên-phước nữa.

2°— Nguyên-nhơn của phép « Thập-niệm »

Phép Thập-niệm là gì ? — Nghĩa là người tu-hành, mỗi buổi sớm mơi xây mặt về hướng Tây, đứng hay là quì, chấp tay niệm « Nam-mô A-Di Đà-Phật »; cứ lấy một hơi thở làm một niệm, mà niệm đủ mười hơi như vậy, gọi là « *Thập-niệm* »

Trong lúc niệm, phải tùy theo hơi thở của người vắn hay là dài, chớ không nệ gì số Phật nhiều ít. Tiếng niệm đừng cao quá, thấp quá, cũng đừng chậm quá, mau quá ; chỉ điều-đình cho hơi niệm liên-lạc với nhau, tâm không tán-loạn, một mực tinh chuyên thì được.

Nhưng phải biết vì sao mà có phép « *Thập-niệm* » ấy ?

Bởi vì trong lời nguyện thứ mười tám của đức Phật Di-Đà có nói rằng : « Nếu có chúng-sanh nào, muốn sanh về nước ta, hết lòng tin mến, niệm danh-hiệu ta từ một niệm đến mười niệm, mà không vãng-sanh được, thì ta thề không làm Phật ».

Từ khi Phật có lời thề chắc thiệt như vậy, nên người tu-hành cần phải tin cho thâm thiết, cho thấu đáo, tin phép Thập-niệm nầy quyết định đặng vào biển đại-thệ của Phật, thì tự-nhiên niệm-niệm thanh tịnh, mình với Phật thông nhau. Hễ biết được sức tin và sức niệm của ta như vậy, là đều nhờ sức thệ-nguyện của Phật, mà nếu đả nhờ sức thệ-nguyện của Phật. thì chắc đặng phần vãng-sanh.

Cho nên phép « Thập-niệm » nầy gồm có sức mình và sức Phật, hàm đủ kẻ trí và người ngu, thiệt là một pháp-môn rộng lớn cao sâu, không thể nghỉ được và bàn được.

3°— Sự tụng niệm hằng ngày về phép tu Tịnh-nghiệp

Mục-đích trong kinh « Tiểu-bổn Di-Đà », là chủ-ý dạy người phải đem lòng tin và phải chuyên niệm danh-hiệu, phải phát nguyện cầu sanh, đặng do ba cái sức ấy mà lên địa-vị Bất-thối.

Nhưng vì sự niệm danh-hiệu của Phật, vẫn là dễ, mà lòng tin của ta cho qnyết định thiệt là khó; nếu tin mà không quyết định, tức là nguyện không quyết định, thì dầu cho có niệm cũug không ích gì cả.

Cho nên trong kinh, Phật nói rằng: « Bọn ngươi phải tin và phải vưng lời nói của ta ».

Trong kinh lại nói nửa rằng: « Vì tất cả trong Thế-gian, nên ta nói ra phẻp khó tin nầy ».

Như vậy mới biết là Phật Thích-Ca thiệt hết lòng thương xót chúng ta mà khuyên bảo phải tin và phải vâng lời nói của ngài như vậy. — Nếu chúng ta đặng một lòng tin thấu, không chút dạ nghi ngờ, thì phần thiện-căn phước-đức nhơn-duyên của chúng ta không thể nói được.

Vậy nên ai là người có đủ lòng tín-nguyện, thì mỗi buổi mơi dậy sớm, làm phép «Thập-niệm» rồi, lại trì thêm danh hiệu Pnật, hoặc ngàn tiếng, hoặc muôn tiếng, niệm nhiều chừng nào thì lợi ích chừng nấy, hay là hằng ngày, trong hai buổi, tụng thêm kinh Di-Đà ba biến, chú vãng-sanh bảy biến, rồi lần chuỗi mà niệm Phật, hoặc niệm nhiều hay là ít, tùy theo sức khoẽ của mình.

Khi niệm xong rồi, thì đối trước tượng Phật, mà đọc bài sám Thập-phương như dưới đây:

BÀI KỆ THẬP PHƯƠNG

Mười phương cả Phật ba đời,
Di-Đà thứ nhứt tốt vời quang-minh;
Phân làm chín phẩm độ sanh,
Oai-thần đức-thánh minh-minh không cùng;
Ta nay rộng phát một lòng,
Qui-y sám-hối ba vòng nghiệp-khiên;
Hề phàm có mấy phước duyên,
Hết lòng hồi-hướng mà chuyên làm lành;
Nguyện người niệm Phật với mình,
Lúc nào cảm-ứng quang-minh cho tường;
Lâm-chung nguyện cảnh Tây-phương,
Hiện ra trước mặt rỏ ràng chẳng sai;

Kiến văn, tinh-tấn cả hai,
Đồng về cỏi Phật trong đài Liên-hoa;
Thấy Phật sanh tử liễu qua,
Như Phật độ hết những là chúng-sanh.

Khi đọc bài sám Thập-phương trên đó rồi, kế đọc bài nguyện Nhứt-tâm như dưới đây:

BÀI NGUYỆN NHỨT-TÂM

Một lòng quyết trở về lạc-quốc,
Đem mình nương đức Phật Di-Đà;
Xin bưng đèn Tịnh soi qua,
Nhớ lời từ-thệ dắc ta với cùng;
Ta nay chánh giữ một lòng,
Xưng danh hiệu Phật mà trông một bề;
Thiết-tha vì đạo Bồ-đề,
Nên chi niệm Phật cầu về Tây-phương;
Phật xưa lời-thệ rỏ ràng,
Rằng như có kẻ thế-gian đó mà;
Muốn sanh về cỏi nước ta,
Hết lòng tín thiệt lại là ưa vui;
Và trong thập-niệm hẳng hòi,
Bằng không sanh đặng ta lui bực hèn
Bởi vì niệm Phật nhơn-duyên,
Đặng vào biển Phật thề-nguyền ngày xưa;
Nương nhờ Phật-lực sớm trưa,
Đã tiêu tội-chướng lại thừa thiện-căn
Đến khi gần xả báo-thân,
Mình đà dự biết tới chừng nào đi
Thân không bịnh khổ chút chi,
Lòng không tham tiếc sự gì Thế-gian;
Ý không điên-đảo trớ trang,
Như vào Thiền-định an-nhàn thảnh thơi;
Phật cùng Bồ-tát các ngài,
Tay bưng một tọa kim-đài rước ta;
Chừng trong một thì đâu xa,
Sanh về Cực-lạc nở tòa bông sen:

Nở rồi thấy Phật dạy khuyên,
Phật-thừa, Phật-huệ, nghe liền mở ra ;
Chúng-sanh mấy lớp độ qua,
Bồ-đề mấy nguyện cũng là đầy luôn.

Nên đọc bài sám Thập-phương và bài nguyện Nhứt-tâm trên đó mà tỏ tấm lòng của mình quyết định sanh về cõi Phật, rồi ngày nào ngày nấy, cho đến mãn tháng cùn năm, cũng phải giữ cho tinh tấn luôn luôn, chớ không nên gián đoạn.

4° — Phép niệm Phật phải kỹ sở.

Trong pháp-môn niệm Phật, nguyên không có cái gì là cao kỳ đặc-biệt; chỉ mong người tin cho thấu, giữ cho đặng, rồi cứ việc niệm thẳng, hoặc trong một ngày đêm, niệm năm vạn biến, hay là ba vạn biến, cứ lấy đó mà làm chừng, đừng để cho thiếu, thề nguyện một lòng trọn đời không dám lui bỏ và chẳng dám đổi dời. Nếu như vậy mà không được vãng-sanh, thì chẳng là Chư-Phật nói dối hay sao?

Nên phải biết rằng: nếu có niệm Phật, thì ai ai cũng đặng vãng-sanh; hễ đặng vãng-sanh, thì đời đời cũng không thối-chuyển; mà nếu đả không thối-chuyển, thì tất cả trăm ngàn pháp-môn, bao nhiêu công-đức đều thành-tựu trong một hồi ấy cả.

Nhưng chỉ sợ người tin không tới, giữ không bền, ngày nay Trương-tam, ngày mai Lý-Tứ (1), dời đổi không thường; hễ gặp người bên Giáo-tông, thì nghỉ qua sự câu nầy bài nọ; gặp người bên Tông-môn, thì tưởng đến sự tham cứu thoại-đầu ; còn gặp người trí-luật, thì lại nghỉ qua sự đắp y cầm bát.

Đó là niệm-tâm chưa định, tùy cảnh chuyển dời, chớ đâu biết niệm bốn chử « A-Di-Đà-Phật » cho thuần thục rồi, thì tất cả kinh, luật, luận, ba tạng, và một ngàn bảy trăm cái công-án, cho đến ba ngàn oai-nghi, tám vạn tế-hạnh, không có một cái gì mà lọt ra ngoài pháp-môn niệm Phật ấy đặng.

---

(1). — *Trương-Tam Lý-Tứ là hai cái danh giả của cổ-nhơn đặt ra, để thí dụ những kẻ nay vầy mai khác.*

Nên phải biết rằng: nếu ta chơn thật niệm Phật, mà buông cả « thân-tâm thế-giới », không có chút gì tư-tưởng theo bề vật-chất giả dối, tức là « hạnh bố-thí ».

Nếu ta niệm Phật mà không chút gì khởi lòng tham lam, hờn giận và si mê, tức là « hạnh trì-giới ».

Nếu ta niệm Phật mà không chút gì kể tính những sự người với ta, phải với quấy, tức là «hạnh nhẫn-nhục».

Nếu ta niệm Phật mà không chút gì lười biếng trễ nãi, tức là « hạnh tinh-tấn ».

Nếu ta niệm Phật mà không chút gì khởi ra vọng-tưởng, tức là « hạnh thiền-định ».

Nếu ta niệm Phật mà không khi nào mê-hoặc theo lời tà-sư ngoại-đạo, tức là « hạnh trí-huệ ».

Vậy thì một lòng chơn-niệm, sáu độ thành công, nếu suy rộng ra, thì pháp nào cũng thâu mà hạnh nào cũng nhiếp đặng cả.

Nhưng nói đến chỗ công-phu niệm Phật của ta mà muốn cho tới cái cảnh-giới «nhứt tâm bất loạn»,thì cũng không có phương-pháp gì khác, chỉ ban sơ phải dùng niệm-châu, (1) để ghi số niệm Phật cho phân minh, và giữ buổi tu-trì cho nhứt định, ngày như tháng, tháng như năm, đừng cho một giây phút nào khiếm-khuyết hay là chậm-trễ, thì lâu lâu thuần-thục, tự nhiên trong tâm rỗng rang, ngoài cảnh vắn lặng, chẳng niệm mà niệm, không dụng công-phu; đến lúc ấy, dầu có ký số hay là không ký số cũng chẳng can gì.

Bằng như vọng-tâm chưa định, niệm-lực chưa thuần, mà không lấy công phu thời khắc làm cơ-quan, lại muốn nói cao kỳ, muốn không trước-tướng, cho ký số làm đa sự và cho định-khóa làm chấp mê, những hạng người ấy đều là tin không sâu, làm không tới, thì dầu có thông suốt mười hai bộ kinh, giải được một ngàn bãy trăm cái công-án đi nữa, cũng thuộc về sự ở bên bờ sanh-tử, chớ chẳng đặng gì, đến lúc mạng chung, quyết không lấy chi mà ỷ-lại đặng cả.

---

(1).— *Niêm-châu : là chuỗi niệm Phật.*

Trong kinh Niệm-châu nói : Các thứ chuỗi niệm Phật, chỉ có ba thứ chuỗi sau đây, nếu dùng mà niệm, thì công đức nhiều hơn hết : một là chuỗi bằng hột bồ-đề, hai là chuỗi bằng hột sen, và ba là chuỗi bằng hột kim-cang.

5°. — Niệm Phật cần phải y theo nguyện-lực.

Trong pháp-môn Tịnh-độ, chỉ lấy nguyện-lực làm cốt-yếu hơn hết, là vì nhờ có nguyện-lực mới đều đặng viên-mãn cái tín-tâm và công-hạnh của mình.

Trong truyện Thần-tăng nói: Có một nhà sư đứng trước ông Phật đá, giỡn mà phát nguyện rằng: « Như đời nầy tôi không dứt đặng sự sanh-tử, thì nguyện đời sau làm một ông quan oai-quyền cho lớn ».

Nhà sư ấy nói như vậy, mà sau quả-nhiên chết rồi, lại đầu thai lên làm quan Đại-tướng-quân. — Đó là lời phát-nguyện chơi mà còn đặng như vậy, huống chi là lời nguyện chí-thành, mà làm sao không viên-mãn đặng!

Truyện ấy lại nói: Có một thầy tu thông hiểu kinh luận thiệt rộng, nhưng tới đâu không gặp được người nào mà khai-hóa cả. — Vừa may có một nhà sư ở gần đó dạy làm phép kiết-duyên; thầy tu nghe lời bèn bán cả y và đơn, lấy tiền mua các thứ đồ ăn đem vào trong một đám rừng vắng-vẻ, sắp đồ ăn xuống tại một khoảng đất sạch, rồi nguyện rằng: « Hễ ai dùng đồ ăn của ta đây, thì phải làm bạn pháp với ta ».

Thầy chú nguyện xong rồi, bèn đem tất cả đồ ăn ấy mà thí cho các loài chim trùng. - Quả-nhiên hai mươi năm sau, khi thầy khai pháp, thì những người thiếu-niên đến thọ-giáo rất đông. — Chừng đó mới biết rằng những loài chim trùng đả thọ thực của thầy ngày trước, được nhờ sức chú-nguyện mà thoát hóa làm mấy người thiếu-niên ấy.

Như vậy thì biết rằng nguyện-lực rất nhiệm-mầu, không thể bàn nghĩ được. - Tức như người nguyện cho loài vật mà loài vật còn thoát-hóa được thay, huống chi mình nguyện cho mình mà không độ đặng mình hay sao?

Xưa đức Phật A-Di-Đà nhờ bốn mươi tám lời nguyện mà thành Phật, thì cái nguyện « cầu sanh » của ta ngày nay đây, chánh là hiệp với cái nguyện « nhiếp-sanh » của Phật đó.

Lúc ta phát nguyện, tức là lúc Phật « nhiếp-thọ » cho ta, mà lúc Phật « nhiếp-thọ » cho ta, tức là lúc ta chánh-niệm

Cho nên nguyện-lực của ta toàn là nương theo nguyện-lực của Phật, mà làm cái chứng-cứ về sự vảng-sanh rất là xát đáng.

Vậy thì trong lúc công-phu sớm tối, chúng ta không nên thiếu cái nguyện ấy; sau khi niệm Phật, phải nhớ đứng trước bàn Phật mà xướng danh-hiệu của đức Di-Đà và danh-hiệu của ngài Quan-Âm, ngài Thế-Chí, cùng các vị Thượng-thiện trên Hội Liên-trì. mà lạy mỗi hiệu ba lạy; rồi qui xuống chấp tay, hết lòng thành khẩn, mà phát nguyện cầu sanh về Tịnh-độ.

Nếu chúng ta biết yêu mến nhớ nghĩ cái nguyện ấy luôn luôn, mà trong lúc hằng ngày lễ niệm, nguyện nguyện phân minh, thì đến buổi lâm-chung, cái nguyện đó tự-nhiên hiện ra đem đường chỉ ngỏ mà hộ ta vảng-sanh.

6°. — Chuyên tu có phần lợi-ích.

Vả chăng thấy đạo rồi sau mới tu, và tu rồi sau mới chứng đạo.— Đó là một lời nói rất chánh-đáng từ xưa đến nay, không thế đổi dời được.

Nhưng mà sự thấy đạo có phải là dễ đâu?— Nếu y theo Giáo-thừa, thì phải cho sự lý dung-thông, rộng lòng viên-giải; còn y theo Tông-môn, thì phải dứt đường tư-nghị, thấu cửa huyền quan; chừng đến địa-vị đó rồi, mới đặng đàm luận về sự tu.

Bằng không được như vậy mà vội nói đạo, thì thành ra đui tu mù luyện, không thấy ngỏ đường, đâu khỏi lẽ chạm vách va tường, sa hầm rớt hố.— Thiệt là nguy-hiểm thay! Khốn-nạn thay!

Còn như pháp-môn Tịnh-độ, thì khác hẳn với Giáo-thừa và Tông-môn đã nói trên đó, mà lại dễ tu dễ đặng hơn nửa, là vì từ cõi Ta-bà nầy thẳng tới Tây-phương, đi qua mười vạn ức cõi Phật, có một Thế-giới kêu rằng «Cực-lạc».

Trong cõi ấy, có đức Phật, hiệu là «A-Di-Đà», nay hiện đương thuyết pháp tại đó.— Nếu người ta tin đặng mà phát nguyện niệm danh-hiệu của ngài, tức là đặng vảng-sanh về nước ngài.— Nếu đã vảng-sanh về nước ngài rồi, thì tự-nhiên nghe pháp tỏ lòng, chứng quả thành Phật.

Cho nên chúng ta cứ y theo đó mà tu-trì, tức là lấy chỗ biết thấy của Phật mà làm chỗ biết thấy của mình, không cần phải nhọc sức đi tìm pháp-môn liễu-ngộ nào khác nữa.

Là sở dĩ sao?— Bởi vì môn tu « Tịnh-độ » khác hơn các môn tu kia, có ba cách kể như dưới đây :

Một là nói pháp tu của các môn, thì phải ngộ đạo rồi mới y pháp mà tu tập.— Ban đầu nhiếp « vọng tâm » lại thành « định », rồi do « định » mới phát « huệ », rồi do «huệ» mới đoạn trừ « hoặc-nghiệp » ; cứ tùy theo cái huệ-phát-minh có hơn thua, cái hoặc-đoạn-trừ có sâu cạn, mà luận nghĩa thối cùng chẳng thối.

Còn như môn tu « Tịnh-độ », thì chỉ lấy lòng tin-nguyện của mình, mà chuyên trì danh hiệu của Phật ; cứ trì luôn cho đến lúc nhứt-tâm bất-loạn, tức là thành được tịnh-nghiệp, mà thân sau quyết định vảng-sanh.—Hễ đặng vảng-sanh rồi, thì kiếp-kiếp đời-đời không hề thối chuyển.

Hai là nói pháp tu của các môn, thì trước phải hết lòng phát lộ mà sám-tội hiện-nghiệp cho thanh tịnh, rồi mới tu được.— Nếu không sám, thì cái hiện-nghiệp ấy làm cho che khuất đạo mầu mà không đường tu tấn.

Còn như môn tu « Tịnh-độ », thì không cần phải sám tội hiện-nghiệp, là vì có hai lẽ như dưới đây :

1°.— Chí tâm niệm Phật một tiếng, thì diệt được sanh-tử trọng-tội trong tám mươi ức kiếp. Nếu niệm nhiều tiếng nhiều lần, nhiều năm, nhiều tháng, thì tiêu diệt tội-nghiệp biết là bao nhiêu ; vì vậy nên không cần phải sám.

2°.— Những người niệm Phật, dầu tội-nghiệp chưa sạch thì lúc lâm-chung cũng nhờ Phật-lực tiếp dẫn mà đới nghiệp vảng-sanh ; vì vậy nên không cần phải sám.

Ba là pháp tu của các môn, thì phải đoạn trừ «kiến-tư phiền-não» (1) các nghiệp-chướng cho hết, rồi mới khỏi

---

(1) Kiến-hoặc, *nghĩa là mê-muội trong đạo-lý chơn-đế, mà khởi lòng phân biệt những thường-kiến, ngã-kiến, các sự tà-tưởng tư-hoặc, nghĩa là mê theo sự vật trong thế-gian, như sắc đẹp, tiếng hay, vân vân..mà khởi lòng tham muốn, hờn gian, si mê, các sự vọng-tình, mà nguyên lai kiến-hoặc và tư-hoặc cũng trong một gốc với phiền-não nên gọi là « kiến-tư phiền-não ».*

« phân đoạn sanh-tử » (1); nếu các nghiệp-chướng ấy hãy còn, thì tất phải luân-hồi như củ.

Như môn tu « Tịnh-độ », thì không cần phải đoạn trừ phiền-não mà ra khỏi Tam-giới, bởi vì ở phía bên nay cõi Đồng-cư (2) là Ta-bà, mà sanh về phía bên kia cõi Đồng-cư là Tịnh-độ, cứ do bề ngang mà ra Tam-giới, cho nên dễ và mau.

Còn các môn kia, thì đo bề đứng mà ra Tam-giới, cho nên khó và lâu; thí dụ như con kiến đục mắt tre bề ngang mà ra thì được liền, còn đục theo bề đứng, thì hết mắt nầy lại tới mắt khác, mà đục cho ra đặng thiệt khó và lâu.

Vả lại đã được sanh về Tịnh-độ rồi, thì dứt hết cội rễ sanh-tử, không còn trở lại luân-hồi, mà được thường thường thấy Phật nghe pháp, một lòng thanh-tịnh, chứng bực Viên-thừa, không nhọc sức tu-hành mà đặng bổ Phật-vị.

Vậy thì môn tu « Tịnh-độ » ban sơ không cầu tỏ đạo mà đạo cũng tỏ, rốt sau không cần phát huệ mà huệ cũng phát, cho đến không sám tội-nghiệp mà tội-nghiệp cũng tiêu, không dứt phiền-nảo mà phiền-nảo cũng hết.— Thiệt là một pháp-môn rất dễ dàng, rất vắn tắc, mà đến khi chứng nhập, thì lại rất rộng lớn, rất nhiệm mầu, không thể nói được.

Cho nên chúng ta phải để lòng suy xét mà chọn lựa cho rành, chớ đừng học thói cống-cao trong một thời, mà bỏ mất cái lợi-ích to tát của ngàn kiếp muôn đời thì uổng lắm.

7o.— Lòng tín nguyện phải kiên-cố.

Những người tu « Tịnh-độ » mà lòng tín-nguyện được kiên-cố thì lúc lâm-chung mười niệm hay là một niệm cũng chắc được vảng-sanh. Nếu không có tín-nguyện, dầu đem danh-hiệu của Phật mà trì niệm cho đến nổi như phên

---

(1) Phân-đoạn sanh-tử, *nghĩa là cái thân hình có từng đoạn khác nhau, như thân nầy chết rồi lại làm thân khác, ấy là do các nghiệp thiện-ác hữu-lậu, mà thọ cái quả-báo trong Tam-giới Lục-đạo, như các loài chúng-sanh vậy.*

(2) Đồng-cư, *nghĩa là 7 thánh phàm đồng ở chung một cõi, mà cõi ấy ở về phía Đông thì cõi Đồng-cư uế-độ, tức là Thế-giới Ta-bà; còn ở về phía Tây thì cõi Đồng-cư Tịnh-độ, tức là Thế-giới Cực-lạc.*

đồng vách sắt, mưa chan không thấm, gió thổi không vào, thì cũng chẳng có thể gì mà vảng-sanh đặng cả.

Vậy nên chúng ta là người tu tịnh-nghiệp, thì « tín » phải cho sâu, « nguyện » phải cho thiết.— Hễ « tín » được sâu; « nguyện » được thiết, thì bao nhiêu tà-thuyết hết ngỏ phỉnh-phờ, tất cả cảnh-duyên không đường dắc-dìu, mà cái công-phu thập-niệm của ta mới có thể viên-mãn được. ..

Sao gọi là « tín sâu »?- Nghĩa là trong lúc ta đương tu Tịnh-nghiệp, mà dầu có ngài Đạt-Ma tổ-sư hiện ra trước mặt bảo ta đừng niệm Phật, để ngài truyền cho ta cái pháp « Trực chỉ nhơn tâm kiến tánh thành Phật », thì ta cũng lạy ngài mà bạch rằng: « Tôi đã vâng theo phép "niệm Phật" cũa đức Thich-Ca truyền lại, mà phát nguyện thọ trì, thề trọn đời không dám di dịch; dẫu Tổ-sư có phép thiền thâm-diệu đi nữa, thì tôi cũng không đám trái lời thề của tội mà lại thọ phép ấy ».

Còn giả như có đức Phật Thích Ca hiện thân ra trước mặt chúng ta mà nói rằng: Hồi trước ta nói pháp-môn « niệm Phật » ra là vì phương tiện trong một thời, chớ nay ta có pháp-môn siêu việt hơn nữa, vậy ngươi đừng niệm Phật, để ta nói pháp ấy cho mà nghe, thì chúng ta cũng đảnh lễ ngài mà bạch rằng: « Thưa đức Thế-Tôn ! Chúng tôi đã bầm-thọ cái pháp-môn "Tịnh độ" cũa ngài rồi, thề nguyện một lòng quyết không dời đổi. Thế-tôn dầu có phép mầu hơn nữa, thì chúng tôi cũng chẳng dám trái lời thề mà lại nghe pháp ấy ».

Xem trên đó, thì biết rằng dẫu Phật Tổ hiện thân trước mặt mà còn không di dịch lòng tin, huống chi là Ma-vương ngoại-đạo đem những lời tà giả dối, không lý thú, không nghĩa vị, mà làm cho mê-hoặc được ta.- Nếu tin được như vậy, mới gọi là « tín-sâu ».

Sao gọi là « nguyện-thiết »?- Nghĩa là trong lúc ta tu Tịnh-nghiệp; mà dầu có gặp cái cảnh rất đau đớn, như là vàng sắt nướng đỏ niền lên trên đầu, thì ta cũng không khuẫn bách theo cảnh khổ ấy, mà bỏ cái nguyện vảng-sanh của ta.

Còn như có gặp cái cảnh rất khoái-lạc, như là thú vui ngủ-dục của đức Luân-vương, trăm thức phong-lưu, hiện ra trước mặt, thì ta cũng không sa đắm theo cảnh vui ấy, mà bỏ cái nguyện vãng-sanh của ta.

Nghĩ như cảnh khổ và cảnh vui đến bực ấy, mà còn không đổi đặng cái nguyện của ta thay; huống chi là cái hoàn-cảnh thuận nghịch nhỏ nhen trong Thế-gian, thì làm sao chuyển nỗi.— Nếu nguyện được như vậy mới gọi là «nguyện-thiết».

Có người nói rằng: «Như ngài Đạt-Ma hiện thân bảo ta đừng niệm Phật mà đề nghe phép thiền «trực-chỉ» của ngài mà ta không nghe là phải rồi; bởi vì pháp-môn «niệm Phật» là đức Thích-Ca nói ra, thì chẳng lẻ bỏ lời Phật mà lại nghe lời Tổ.— Chớ như thiệt đức Thích-Ca hiện thân, bảo ta nghe pháp-môn siêu việt của ngài, mà ta không nghe thì chẳng là ta cải lời ngài mà phạm tội báng Phật và không nghe pháp ngài, thì mất phần tự-lợi hay sao?

Ôi! Cái tin mà gọi rằng sâu, thì tức là cái tin ấy đã soi cùng biển pháp, xét thấu nguồn chơn, ngoài ra không còn một pháp gì làm cho ta mê-hoặc được nữa.

Bởi vì pháp-môn «niệm Phật» rất rộng lớn, rất nhiệm mầu, mười phương Chư-Phật đều khen ngợi, ba cỏi chúng-sanh đều nguyện về.

Vậy nên Phật Thích-Ca khi còn tại thế, thì trong quyến-thuộc của ngài đều phụng trì pháp-môn ấy cả.— Nếu như còn pháp-môn nào siêu-việt hơn nữa, thì chẳng lẻ ngài giấu mà không truyền hay sao?

Huống chi trong lúc ngài nói pháp-môn «niệm-Phật» ra, thì ngài bảo phải tin theo lời nói của ngài, và phải tin theo lời nói của Chư-Phật xưng tán nữa, thì có lẻ nào ngài dối ta hay sao?

Nhưng chắc rằng Phật đã lấy sự «nói dối» mà ngăn cấm chúng-sanh, chẳng lẻ phần ngài lại nói dối; nên xem đó thì đủ biết ngài, dầu hiện thân mà nói như vậy đi nữa, cũng chẳng qua là phương tiện quyền xảo mà thử coi cái tín-tâm của ta có kiên cố và có thấu đáo hay không đó thôi, chớ thiệt chẳng có pháp-môn nào siêu-việt khác nữa cả.

Nếu trong lúc tă thấy Phật hiện thân bão ta như vậy, mà ta chưa biết chỗ quyền xão của Ngài, chừng đến khi ta gặp cảnh ma hiện, lại càng điên đảo hơn nữa, thi ta làm sao phân biệt sự chơn ngụy cho đặng. Đó có phải là nguy hay không?

Cho nên ta thấy Phật mà ta không đổi lòng, thi chỗ kiến-giải của ta mới được chánh đáng, tín-tâm của ta mới được kiên cố, mà mới là xứng đáng cái trách-nhiệm làm con Phật, mới là thừa lảnh nỗi cái gia-nghiệp của Phật, và lại mới đền đặng ơn sâu cho Phật, chớ có phải là phạm tội báng Phật mà mất phần tự-lợi đâu!

8° — Niệm Phật cần phải dứt sự ái-tình.

Chúng ta phải nghỉ rằng: củng bởi muốn cho rồi rảnh cái khổ sanh-tữ, nên ngày nay mới phát tâm niệm Phật mà cầu sanh về Tịnh-độ.

Nhưng cứ nói niệm Phật thì sẻ rảnh sự sanh-tử, mà không biết rỏ đặng cái cội rể sanh-tử, thì làm sao mà niệm? Nếu tâm niệm Phật của ta đứt không đứt cái cội rể ấy, thì làm thế nào cho rồi rảnh sự sanh-tử được?

Sao gọi là cội-rễ sanh-tử? — Tiên-đức có nói rằng: « Nghiệp chẳng nặng, thì chẳng sanh về cỏi Ta-bà; ái không dứt, thì không sanh về cỏi Tịnh-độ ».

Vậy phải biết rằng ái-tình tức là cái cội-rể sanh-tử, mà nguyên cái căn-bổn cũa ái-tình không phải mới có từ đời ta đây, cũng không phải mới có từ một đời, hai đời, ba đời nhẫn lại đây. Thiệt là từ hồi vô-thỉ đến nay, ta bỏ thân nầy chịu thân khác, nhiều hơn số cát sông Hằng, mà có khi nào trong một niệm tạm rời cái ái-tình ấy ra được đâu!

Như vậy thì hột giống ái-tình kia rể đả sâu, gốc đả lớn, lưỡi dao Thiện-trí chặt đứt không rồi, cái lực Tin-tà bứng đào khó trốc; nên vì nó mà gây ra cái nòi nẳng luân-hồi, làm cho chết đi sanh lại, đổi xác thay hình, sa gót ba đường, chui đầu sáu nẻo. — Thiệt thảm trạng biết là bao nhiêu!

Thế mà ngày nay phát tâm niệm Phật, cứ vọng giữa thinh-không mà cầu về Tây-phương, còn cái ái-tình là cội-rễ của sanh-tử lại không biết tới !

Nếu đả không biết tới cái ái-tình ấy; thì có chút gì nghĩ tưởng đến sự dứt trừ nó đâu.

Nếu không biết dứt trừ, cứ một phần niệm Phật, và một phần để cho cái cội-rễ sanh-tử ấy càng ngày càng lớn hoài, thì sự niệm Phật cùng sự sanh-tử, hai bên không quan-thiệp gì với nhau.

Nếu hai bên đả không quan-thiệp với nhau, thì chắc trong lúc lâm-chung, tất phải bị cái ái-tình ấy nó lôi kéo đi theo con đường sanh-tử. Phật lực khó bề cứu đặng, phải là hồi-tâm không kịp mà nguy hiểm hay không ?

Vậy nên xin chúng ta, ai là người có lòng niệm Phật, trước phải lo mà dứt trừ cái cội-rễ ấy cho gắp mới đặng.

— Nhưng phải hiểu cách dứt trừ ; không phải bỏ nhà bỏ cửa, từ vợ từ con, vào trong núi thẳm hang sâu, mà gọi là dứt ; — cũng không phải bịt tai đậy mắt, không nghe, không thấy, mà gọi là trừ.

Chỉ trong lúc nhựt-dụng hiện-tiền ở nhà niệm Phật, con mắt ta trông thấy những vợ con, tiền của, và các sự gia-duyên, không có cái gì là chẳng phải vật yêu-mến của ta; mà ta tưởng rằng ta ở trong cuộc yêu-mến ấy cũng như ở trong một nhà lửa, chớ không khác gì.

Rồi ta thường thường quan sát coi cái ái-tình của ta thân thiết như vậy, bộn bàng như thế, chừng cái sức niệm Phật của ta có thể dứt đặng cái ái-tình ấy hay không ? — Nếu dứt không đặng, thì làm sao mà rảnh đặng sanh-tử ? — Nếu không rảnh được sanh-tử, thì làm sao sanh về được Tịnh-độ ?

Cho nên chúng ta muốn đứt cái niệm ái-tình, thì cần phải sanh lòng nhàm-chán mà tự nghĩ rằng : «Cái thân của ta đây là một vật giả dối, đi lại rồi cũng vô-thường; huống chi ngoài cái thân ra, còn có cái gì là chắc thật đâu mà ta cần phải quyến luyến».

Nếu niệm niệm quan sát như vậy, chơn thiệt như vậy, thì tự nhiên đối với ái-tình, mà ái tình không nhiễm chuyên về tịnh-nghiệp thì tịnh-nghiệp chắc thành; tưởng đến lúc vảng-sanh của ta, dầu muôn trâu cũng không thế nào kéo lại đặng.

9° Niệm Phật cần phải giữ giới-hạnh

Những người muốn tu phép « niệm Phật tam muội »(1) mà không giữ giới, thì dầu có tín tâm đi nữa, cũng phải bị cái cường quyền của duyên-cảnh nó xâm đoạt, nó nhiễm-ô, nổi gió trần-lao, xao nguồn thanh-tịnh, tâm theo cảnh-chuyển, chẳng đặng vảng-sanh là sở dĩ sao?

Bởi vì Phật như trăng, tâm người như nước; hễ nước đục thì không thấy trăng, tâm xao thì không thấy Phật. Vì không thấy Phật, nên chẳng đặng vảng-sanh, là nghĩa như vậy.

Trì giới phải làm sao?— Nếu người nào đã rảnh mối gia-duyên, nguội lòng thế-tục, yểm thân hữu-lậu, tìm nẻo vô-sanh, thì ở nhà thanh-tịnh giữ toàn được năm điều giới(2), để làm món tư-lương cho phần vảng-sanh về sau, thì lại càng rạng danh thượng phẩm trên hội Liên-trì, sớm tỏ đạo huyền, mau phần bổ xứ. Như vậy thì quí bậu biết là dường nào.

Còn như người nào gia-quyến chưa rảnh, không giữ được toàn, thì cũng phải giữ giới « sát-sanh » và giới « tà-dâm », lại cũng phải phương tiện gìn giữ trong thâu tâm, giảm bớt những sự lầm lỗi, mà quan sát cho rõ biết cả thảy các pháp Thế-gian đều là vô-thường, vui ít khổ nhiều, chẳng ích chi cả.

Vậy chẳng nên quyến luyến theo cái hoàn-cảnh giả dối, danh lợi nhỏ nhen, tình-duyên mỏng mảnh, làm cho gương giới lu lờ, nguồn chơn xao động, mà phụ phàng cái công-phu tịnh-nghiệp của ta, thì uổng lắm.

Vả lại các sự tài nghề kỷ thuật và tất cả những đều phải

---

(1) Tam-muội, *Tàu dịch là chánh-định, nghĩa là thiền-định rất chơn-chánh.*

(2) Năm điều giới là: *1° cấm sát-sanh; 2° cấm trộm cướp; 3° cấm tà-dâm; 4° cấm nói láo; và 5° cấm uống rượu.*

trái trong Thế-gian, thường hay làm cho ta phân niệm, — Nếu không dứt bỏ đi, thì làm sao cho được nhứt tâm.- Nếu không nhứt tâm, thì làm sao cho thành tam-muội.- Nếu không thành tam-muội, thì do đâu mà đặng vảng-sanh.

Vậy thì ta phải biết rằng: « Vô-minh nghiệp-thức » (1) của chúng-sanh đầy trong pháp-giới, nếu ta khởi ra một niệm thế-tình, thì đã bị lủ ma trần-lao kia nó lôi dắc đi rồi; cũng như con cá tuy bơi lội lăng-xăng dưới nước, mà chỉ có một sợi tơ câu móc lên được. Đó là tâm niệm mà còn hại đến thế ấy, huống chi thân hành thì hại biết là dường nào!

Kinh Phạm-võng nói rằng:« *Giới như minh nhựt-nguyệt, diệc như anh lạc chu, vi trần Bồ-tát chúng, do thị thành chánh-giác*».

Nghĩa là giới sáng như mặt trời mặt trăng, cũng báu như ngọc châu anh-lạc, hàng Bồ-tát nhiều như vi-trần, do đó mà thành bực chánh-giác.

Vậy nên chúng ta muốn niệm Phật cho mau thành tam-muội, thì trong lúc hiện-sanh nầy, không thể nào bỏ giới được.

10° — Niệm Phật cần phải kiết thất.

Trong kinh nói rằng : Giả như ác-nghiệp của chúng-sanh từ hồi vô - thỉ đến bây giờ, nếu thiệt có hình tướng, thì đầy cả hư-không thế-giới, chẳng có chỗ nào mà dung chứa cho hết.

Vậy thì nếu không nhờ sức niệm Phật một tiếng, diệt được tám mươi ức kiếp sanh tử trọng tội, thì làm thế nào cho những tội ấy tiêu mòn đi được.

Huống chi niệm Phật mà niệm cho đến cái cảnh-giới " *nhứt tâm bất loạn* " thì chẳng những hết tội, mà lại nhà cửa tam-giới, dẫu to tác thế nào; cũng không cầm nhốt lại đặng; thí như một người vỏ-dỏng đả xong phá trùng-vi mà ra rồi, thì chẳng những khỏi hại, mà lại trong tam quân, dầu có oai lực thế nào, cũng không áp-chế đặng nữa.

---

(1) Vô minh nghiệp-thức: *là nói từ hồi vô-thỉ chúng-sanh bị mê cái thể nhứt-chơn pháp giới mà khởi ra vô-minh, rồi do vô-minh thành ra nghiệp-thức.*

Như vậy pháp niệm Phật có phải là một pháp rất diệu hay không ?

Nhưng niệm Phật mà muốn cho đặng nhứt-tâm bất-loạn, thì cần phải làm phép kiết-thất.

Kiết-thất là dọn một cái nhà cho sạch-sẻ, thiết một bàn hương án xây mặt qua hướng Đông, trước bảy bửa phải trì chú làm phép *kiết - giới* (1), rồi trai thành mà quán tưởng Phật Di-Đà cũng như một vị chơn-Phật.— Cứ tưởng như vậy cho thuần thục, rồi đến ngày kiết-thất trước một bửa, phải hết lòng cầu khẩn, dưng lễ hương-hoa mà thỉnh ngài giáng chứng đạo tràng.

Khi thỉnh rồi, thì tham lễ Ngài một trăm lạy hay là năm chục lạy, rồi qui xuống trước án mà phát nguyện, xin đem cả thân, tâm, tánh-mạng của ta mà bỏ hết vào trong biển đại-thệ của Ngài, thề trong hạng bảy ngày quyết không dám khởi một niệm gì tư tưởng về sự thế-gian.

Khi phát nguyện rồi, thì xin cầu Ngài thương xót đến ta, trong bảy ngày phóng quang nhiếp thọ.— Cứ nhớ Phật như vậy mà an trụ, bỏ cả các duyên, rồi đến khi vào thất, bửa ban đầu cũng không cần phải phát nguyện nữa, chỉ niệm kinh Di-Đà, chú vãng-sanh và bài kệ táng Phật mà thôi.

---

(1) Kiết giới: *Nghĩa là chia giới-hạn thiện ác mê ngộ.*

Kiết-giới có nhiều phép, nhưng theo phép kiết-giới trong Chuẩn - đề, thì giản tiện hơn.

Lấy một cái chén mới rửa cho sạch, đựng nước hứng giữa trời., hay là nước múc giữa lòng giếng, hái các thứ bông thơm bỏ vào, để chén ấy tại trước mặt chỗ ngồi của mình, rồi ngồi kiết-già lại hai tay kiết ấn Chuẩn-đề để ngang ngực, chuyên chú một lòng ngó chén nước ấy mà niệm chú Chuẩn-đề 21 biến, rồi đem chén nước rãy tám phương trên dưới tại chỗ ta trì-niệm. Vậy thì đàng tràng mới được thanh-tịnh.

Theo cách ngồi kiết-già, thì chưn trái gát lên vế chưn mặt, rồi lấy chưn mặt bỏ lên vế chưn trái.

Theo cách kiết-ấn Chuẩn-đề, thì lấy tám ngón tay xỗ tréo vào trong lòng bàn tay, rồi nắm lại, đựng hai ngón tay giữa lên giáp với nhau, đem hai ngón tay cái mà bấm vào cái lóng giữa của ngón tay vô-danh. Vậy thì thành ấn Chuẩn-đề.

Bước qua ngày thứ hai sắp tới ngày thứ bảy, cứ một lòng chuyên chú niệm Phật, mà tiếng niệm ấy không được huởn và không được gắp ; tâm niệm ấy không được lẳng và không được mê, điều đình một cách thế nào cho Phật hiệu trong tâm-niệm ta đặng rỏ ràng minh bạch.

Dầu đến lúc ăn cơm bận áo, hay là lúc đi đứng nằm ngồi, thì bốn chử «A-Di-Đà-Phật» củng thường niệm, chớ không khi nào rời trong tâm-niệm, cũng như hơi thở của ta không thể trong giây lát nào mà ngừng nín được. - Vậy thì muốn nhứt-tâm bất-loạn, có phải như sự niệm Phật thuờng mà so sánh đặng đâu!

Nhưng trong bảy bửa ấy, ban đêm từ 11 giờ cũng phải tạm nghỉ ước tàn một cây hương cho tịnh dưởng thân mình, rồi dậy mà niệm Phật nửa, chớ không được thức luôn, mà cũng không được ham ngủ.

Còn kẻ hộ thất, lối chừng một đôi người phải coi sóc giùm những sự hương đèn trà nước; chớ ta không được khởi niệm mà nghỉ tới sự gì cả.

Khi mản bảy ngày ấy rồi, thì qui niệm: « A-Di-Đà-Phật, Quan-Âm, Thế-Chí và Chư-thượng-thiên », mỗi hiệu mười lần, rồi đọc bài nguyện « Nhứt-tâm » một biến, lễ Phật mười hai lạy; còn các ngài Bồ-tát thì lễ mỗi ngài ba lạy, rồi niệm ba lần bài «Tam qui y», mỗi lần lễ một lạy.

Nếu biết thống yễm cỏi Ta-bà mà ham mộ về cảnh Cực-lac như vậy, lòng tín-tha đã chơn thiệt, và sức niệm Phật lại tinh cần, thì có khó gì mà không thành được tam-muội.

Thế mà ngày nay thấy nhiều người tu Tịnh-độ nói rằng ở «thất», mà không biết «thất» là nghĩa gì, và không hiểu cách tu niệm ra thế nào.

Có người thì hiệp ba bốn mươi kết bạn ở chung, ồn-ào rộn-rực, tiếng niệm Phật vừa ngớt, thì tình thế tục tới liền. Đó là đem cái công-phu tịnh-nghiệp mà đổi làm tản-thiện nhơn-duyên, quã nhiên phí mất thời giờ mà khó bề thành tựu.

Lại có người khác thì chun dưới bàn thờ Phật, ngồi kiết-già mà lần chuỗi, đến thời ngọ-thực thì vợ đem cơm

vô cho ăn và trò chuyện. Như vậy mà gọi rằng ở thất, thì có phải là vô lý hay không ?

Vậy nên chúng ta, nếu có lòng chợn thiệt niệm Phật, muốn khắc định thời hạng cho mau thành tam-muội, thì đừng làm như những người đã nói trên đó ; trước hết phải biết chỗ chọn lựa pháp-môn "Tự-lực" và pháp-môn "Tha-lực" cho rành, mà đem lòng tín-hướng, quyết định không nghi ; chớ đừng lưởng-ưởng theo hai bên, mà môn nào cũng không thành được.

Phải biết rằng: tin theo môn Tự-lực, thì giống như pháp « Giáo-ngoại biệt-truyền » bên Thiền-tông, tất phải đoạn trừ cho hết nghiệp-hoặc, rồi mới vảng-sanh.

Còn như tin theo môn Tha-lực, thì toàn ỷ lại nơi sức đại-nguyện của đức Phật Di-Đà, không cần phải đoạn hoặc mà lại được đới nghiệp vảng-sanh.

Như vậy mới biết là cái pháp-môn Tha-lực đã siêu thắng mà lại có phần đặc-dị hơn; thí như một người tầm-thường theo hầu đức Luân-vương mà đi đặng khắp thiên-hạ; đó là tại sức của Luân-vương, chớ không phải sức của người ấy.- Lại cũng như đứa con nít nhờ sửa từ-mẫu mà nên vóc nên hình; đó là tại sức của từ-mẫu, chớ không phải sức của đứa con.

Nếu chúng ta tin tới chỗ vô-nghi ấy, thì mới biết được sự lợi ích của pháp-môn Tha-lực.

II°.- Niệm Phật lúc ngủ, cần phải cho nhớ.

Xưa có ông Hải-Châu tới tham với ngài Tử-Bá, thì ngài hỏi ông vậy đi tu là cần sự gì ?

Ông nói: «Bạch ngài!— Tội đi tu vì muốn ra khỏi nẻo khổ sanh-tử».

Ngài hỏi: « Ông tu pháp gì mà ra khỏi nẻo khổ ấy đặng?»

Ông đáp: «Bạch ngài !— Tôi vốn tư-chất ngu độn, chỉ biết phép niệm Phật mà thôi ».

Ngài hỏi nữa: «Ông niệm Phật mà có khi nào hở cách hay không ?».

Ông đáp: «Bạch ngài !- Khi nhắm mắt ngủ, thì quên .»

Ngài nạt to một tiếng, rồi nói rằng: «Niệm Phật mà khi ngủ lại quên như vậy, thì dầu niệm đến muôn năm cũng không ích gì.- Ngươi từ rày về sau, trong lúc ngủ hay là lúc chiêm bao, cũng phải giữ niệm Phật cho thường, thì mới có phần ra khỏi khổ đặng.

Nếu khi nào trong lúc ngủ hay là lúc chiêm-bao, mà rủi quên không niệm, thì khi đậy, liền tới trước Phật cúi đầu than khóc, đem hết tâm-niệm của mình mà tỏ dấu ai-cầu với Phật, rồi niệm danh-hiệu của ngài một ngàn lần, hay là một muôn lần, tùy theo lực-lượng của mình mà niệm cho hết sức mới thôi.- Cứ chơn thiệt mà làm được hai ba mươi phen như vậy, thì tự nhiên trong lúc ngủ mê, thế nào cũng không quên niệm được.

Vậy nên chúng ta là người tu tịnh-nghiệp, phải biết cái cảnh-giới trong lúc ngủ là dễ mê dễ quên, thì trước khi ta gần ngủ, nên dẹp bỏ các sự duyên-lự cho hết, đặng để một lòng chuyên chú quán tưởng tượng Phật, rồi niệm thầm danh-hiệu của ngài cho đến khi ngủ hồi nào mà ta không hay, thì mới được.

Có người hỏi rằng:« Trước nói tu Tịnh-độ nhờ có Phật-lực hộ niệm, cũng như con nít nhờ mẹ mà lớn, thì thiệt là dễ, mà sao đây ngài Tử-Bá lại nói với ông Hải-Châu, nếu niệm Phật khi ngủ mà quên đi, thì không thoát khỏi vòng sanh-tử.- Vậy thì ta niệm Phật trọn đời, mà trong giấc ngủ, lở mê lở quên, đến lúc lâm-chung không được vảng-sanh, chăng là Phật-lực cũng không giúp đở gì cho ta được hay sao?»

Ôi ! Biển từ-thệ của Phật Di-Đà rất rộng rất lớn; tưởng không có tâm-nguyện của chúng-sanh nào mà lọt ra ngoài được cả.- Vậy nên trên ao Thất-bảo, chia làm chín phẩm hoa sen, mà trong mỗi phẩm lại có phân ra nhiều đến vô-lượng phẩm nữa.

Đó là tùy theo trình-độ niệm Phật của chúng-sanh tới bực nào, thì đều được sanh về bực nấy; chớ có phải mất phần vảng-sanh đâu !

Còn như lời của ông Tử-Bá đối với ông Hải-Châu đã

dẫn lược trên đó, là lời nói tùy cơ, chớ không phải nhứt định.

Bởi vì ông kia niệm Phật mà hằng ngày hằng năm không có lúc nào hỡ dứt, chỉ trừ ra khi đi ngủ mà quên niệm đó thôi, thì đủ biết là người thượng-căn thượng-khí rồi; cho nên ngài nhơn đó mà khuyên gắng ông tăng tấn lên cho đến cực điểm, đặng chiếm cái danh-dự thượng-phẩm trên Hội Liên-Trì, mà làm phiêu-bản cho những người đồng tu tịnh-nghiệp; chớ có lẻ nào ta niệm Phật trọn đời, chỉ trong giấc ngủ quên niệm, mà đến nỗi lúc lâm-chung không đặng vảng-sanh như vậy đâu !

Xem như Trương-thiện-Hoà (1) là người cực-ác, mà lúc lâm-chung, nhờ niệm Phật còn được tiêu hết tướng Địa-ngục, lại hiện ra Liên-hoa; con Bát-bát-nhi (2) là vật vô-tri,

(1) Trương thiện-Hoà: *là một người chuyên nghề làm thịt trâu, bán mà độ nhựt hồi đời nhà Đường.*

Lúc chàng mang bịnh gần chết, nằm thấy một bầy trâu hiện đứng trước mặt chàng mà nói tiếng người như vầy: «Mầy giết chúng tao phải không?»

Trương-thiện-Hoà nghe nói rất hải sợ, liền bão người vợ chạy đến chùa thỉnh thầy Tì-khưu tới cứu cho gắp.

Thầy ấy đến dạy rằng: Kinh Thập-lục-quán nói: nếu người nào trong lúc lâm-chung mà có ác-tướng Địa-ngục hiện ra, thì chí tâm xưng niệm «Nam-Mô A-Di-Đà Phật», tức là đặng vảng-sanh về Tịnh-độ. Vậy ngươi phải y theo Phật-pháp mà làm thì được».

Trương-thiện-Hoà bèn nghe lời, liền xây mặt về hướng Tây, hết lòng niệm Phật, nhưng niệm chưa đặng mười tiếng mà chàng tự nói rằng: «Ta thấy Đức Phật A-Di-Đà từ nơi Tây-phương đi đến, mà cho ta một cái bảo-toạ.»

Trương-thiện-Hoà nói vừa dứt lời thì chết.

(2) Bát-bát-nhi.— *Thuở xưa có một người kia nuôi một con chim, tục gọi là con Bác-bác-nhi,- mỗi khi nó nghe nhà sư niệm Phật, thì nó cũng bắc chước niệm theo.-*

Người kia thấy vậy, bèn cho nhà sư đem về nuôi và dạy nó niệm « Nam-Mô A-Di-Đà Phật ».

Đến lúc con chim ấy chết, thì nhà sư bèn làm một cái hòm nhỏ, liệm chôn tử tế, rồi sau trên mả nó có nứt sanh lên một đoá bông sen.

Nhà sư thấy vậy, bèn mở cái hòm ra coi, thì thấy sen ấy từ trong miệng con chim mà mọc ra.

Vậy thì biết con Bát-bát-nhi nhờ cái công đức niệm Phật, mà đặng vảng-sành về cỏi Cực-lạc Thế-giái.

học tiếng người niệm Phật, cũng thoát đặng loài súc-sanh mà về cõi Cực-lạc.

Vậy thì đũ biết cái nguyện-lực của đức Phật Di-Đà, thiệt là vô-biên vô-lượng, há có lẻ chúng ta niệm Phật mà ngài không tiếp đẫn hay sao?

12°— Phép hồi-hướng vảng-sanh.

Trong phép hồi-hướng vảng-sanh, cần phải lấy sự niệm Phật làm chủ và công-hạnh làm trợ-duyên, thì mới đặng.

Sao gọi là công-hạnh?— Công-hạnh có hai thứ:

Một là tụng các kinh Đại-thừa, như là kinh Vô-lượng-thọ, kinh Thập-lục-quán, kinh Tiểu-bổn Di-Đà, kinh Hoa-nghiêm, kinh Pháp-hoa, kinh Duy-ma, phẩm Phổ-hiền hạnh-nguyện, và xem những luận Khởi-tín, luận Duy-thức, hay là coi các thứ sách nói về pháp Tịnh-độ, đặng nhờ đó mà trồng gốc tín-căn cho sâu, mở tròng cụ-nhản cho rộng, biết đường giản-trạch, rỏ lý thâm-huyền, thì mới khỏi bị tà-sư đánh đỗ, hoàn-cảnh buộc ràng, mà lại làm một món tư-lương cho cuộc vảng-sanh về sau nữa.

Hai là cầu làm sự phương-tiện, như là: hiếu với cha mẹ, trung với Quân-vương, đắp vẻ tượng Phật, ấn tống kinh sách, trai tăng, lập chùa, kính thờ sư-trưởng, cấm đều tế sát, mua vật phóng sanh, kẻ đói thì thí cơm, người lạnh thì cho áo, vét giếng, bắt cầu, đắp đường, thí nước, giúp thuốc cho kẻ ốm đau, cứu độ những người oan-uổng, dưởng người già yếu, nuôi kẻ mồ-côi, chôn cất thây người, cấp cho hòm vãi, tha người mắc nợ, nhượng sự cũa tiền, trả vật bỏ quên, cứu đều khổ hoạn, khuyên đừng tranh tụng, cầu khỏi tai nàn, tiến bạt vong hồn, cứu loài nhơn-mạng.

Trong những mấy sự làm phước đó, nếu đem mà hồi-hướng về Tịnh-độ, thì đều bổ-ích cho phần vảng-sanh của ta được cả.

Còn như phát lòng đại-nguyện, đem những sự phước lợi ấy, vì cã thảy chúng-sanh trong pháp-giới mà hồi-hướng về cỏi Cực-lạc, thì phước đức lớn biết là bao nhiêu.

13.— Sự quan-hệ trong lúc lâm-chung.

Chúng ta là người tu-hành, nếu trong khi bình-nhựt không quan-sát cho kỹ cang và trì-niệm cho chắc chắn, thì đến lúc lâm-chung, không khỏi bị con ma vọng-tưởng khởi ra mà bày biễu nhiều đều rối loạn.- Vậy nên chẳng những «tín-hạnh-nguyện» của ta phải có cái lực-lượng cho chơn thiệt, mà lại cần phải nhờ có ba cái sức kể dưới nầy, để làm căn-bổn cho phần tịnh-nghiệp, thì mới đặng.

Một là phải có sức Phật; bởi vì bất kỳ hồi nào, chỗ nào, hay là bịnh gì mà mạng-chung, đều không phải ta có thể liệu mà biết trước đặng; nên nhờ có sức Phật gia-hộ, thì chỗ cảnh-ngộ của ta đều là cơ ứng-hiện của Phật; chớ không đến nỗi làm cho ta lạc bước vào trong hang-hố trần-lao kia được.

Hai là phải có phước đức; bởi vì đủ các đều thiện mới gọi là phước-điền. Vậy nên gặp người nào đau ốm, phải hết sức phò-trì; nếu người bịnh ấy không thể lành được, thì ta phải lấy lòng thành khẩn, niệm Phật mà hộ tống cho người. Đó là một sự phước lớn đứng đầu trong các đều thiện-hành.

Ba là phải có sức của bạn; bởi vì chí-nguyện hồi bình-nhựt của ta, vì sợ hai chử «sanh-tữ» mà đi tu, nên gặp người nào chơn thật niệm Phật, thì phải kết bạn mà tham học, rồi thề-nguyện một lòng, trong lúc lâm-chung hộ tống với nhau, đặng phòng bị trước cho sẵn sàng, thì ngày sau mới có phần trợ lực.

Vã lại chúng ta cần phải hiểu biết mà tránh khỏi ba đều nghi và bốn cửa ải kể dưới nầy, thì trong lúc lâm-chung mới khỏi bị con ma vọng-tưởng làm ngăn ngại cho đường vảng-sanh của ta đặng.

Ba đều nghi là gì ?

Một là nghi rằng: ta từ hồi nào đến bây giờ, tội-nghiệp thì nặng nề và tu-hành thì kém ít, dầu có niệm Phật, e không được vảng-sanh chăng ?

Hai là nghi rằng: ta mắc nợ người chưa trả, và có đều tâm-nguyện chưa rồi, còn những nghiệp tham-lam, hờn-giận, và si-mê cũa ta củng chưa hết, dầu có niệm Phật, e không đặng vảng-sanh chăng ?

Ba lă nghi rằng: ta tuy niệm Phật, mà lúc lâm-chung e Phật không tới tiếp dẫn ta chăng?

Ôi ! đều nghi thứ nhứt và đều nghi thứ hai đã nói trên đó, hay làm ngăn ngại cho những người sơ tâm; nhưng nếu tin thấu đặng biển từ-thệ rộng lớn của Phật Di-Đà, và có nghe rõ đặng lời giải quyết của người thiện hửu, thì hai cái nghi ấy có thể hết được liền.

Chớ như đều nghi thứ ba, thì lại làm trở đón cho con đường tín-hướng của những người tu hành càng nhiều hơn nữa, là vì bình-nhựt không khám phá cho rỏ ràng, đến sau lại sanh ra vọng-tưởng, lấy chỗ nghi-hoặc hẹp hòi của phàm-phu mà suy lường cái từ-nguyện rộng lớn cũa một vị Đại-giác. Đó có phải là lầm hay không?

Trong lúc lâm-chung, có người thấy Phật mà đặng vảng-sanh, và củng có người không thấy Phật mà đặng vảng-sanh, là sở dĩ sao?- Bởi vì thấy Phật mà vảng-sanh, ấy là quang-minh của Phật gia-bị, nên ở nơi thân phân-đoạn nầy đặng thấy tướng-hảo của ngài.— Còn không thấy Phật mà vảng-sanh, ấy là nguyện-lực của Phật gia-bị, nên ly cái thân phân-đoạn nầy ra, rồi cũng đặng thấy ngài vậy.

Cho nên những người lâm-chung, nếu thấy Hoa-Phật hay là thấy Hoa-đài, và nghe những mùi thơm lạ, tiếng nhạc trời, vân vân... , vốn là cái bằng cớ chứng vảng-sanh chắc chắn rồi, không còn nghi gì nữa.

Còn như thiệt không thấy điềm chi hết, mà một niệm Di-Đà hiện ra đó, thì cái tin-tức đã thông với Phật rồi, quyết định vảng-sanh, chớ không sự gì nghi nữa .

Vậy thì ba đều nghi đã nói trên đó, thiệt là cái cơ-quan yếu-khẩn về sự sanh-tử.- Nếu trong khi bình-nhựt, chúng ta có một mảy lông sợi tóc gì còn hoài nghi, cũng nên

hỏi những bạn tri-thức, đặng nhờ người giải thuyết mà phá trừ cái nghi ấy cho hết, thì đến lúc lâm-chung mới có thể nắm chặt cái tín-nguyện của ta mà thẳng tới Tây-phương Cực-lạc.

Song chẳng những một mình ta rỏ đặng rồi thôi, lại cũng nên vì người mà dứt mối nghi-tình, đoạn dây vọng-tưởng nữa mới được.

Bốn cửa ải là gì?

Một là nói: niệm Phật tuy nhiều năm, mà nhơn vì hồi trước có tạo nghiệp Địa-ngục, may nay nhờ lực Phật đặng đổi nghiệp nặng lại làm nghiệp nhẹ, nên mới có những sự bịnh khổ như vậy.— Nếu người bịnh không biết xét mình nhơn dịp đau mà thối chuyển tấm lòng niệm Phật, thì lúc mạng-chung tất phải đoạ vào Địa-ngục.

Còn như người ấy biết sự bịnh khổ của mình ngày nay là do tội-nghiệp ngày trước, mà cứ nhớ Phật niệm Phật, và gắng chí chịu khổ để cho trả hết cái nghiệp-báo rồi, thì quyết định vảng-sanh Tịnh-độ.

Hai là nói: niệm Phật tuy nhiều năm, mà mắc bị xen lộn những sự tà-khiến, nên tròng lúc đau, thường hay thấy ma-quỉ.- Nếu không biết xét mà trở lại sanh lòng ham sống sợ chết, thì chắc bị thứ ma-quỉ ấy làm cho mê-hoặc tâm người mà dắc vào đường Ác-đạo.

Còn như biết lấy tín-nguyện của mình mà làm cái căn-bổn, và lấy thế-lực của Phật mà làm chỗ ỷ-trọng, thì tất là niệm Phật đặng vảng-sanh.

Ba là nói: tuy niệm Phật nhiều năm, mà thường tưng-tiêu cái thân lắm, cho nên đến lúc bịnh nặng, thì ha hàm uống thuốc men, và nhơn sự cầu cho lành bịnh bổ thân, mà cứ giết oan những loài sanh-mạng, làm cho dứt mất căn lành, mà lại khó trốn đặng sự đòi hỏi đối nại ở dưới vua Thập-Điện nửa .— Đó có phải là nguy hay không?

Nếu trong lúc ấy, biết thân ta là cội khổ mà sanh lòng nhàm chán, rồi vui miền Tịnh-độ, nhớ Phật Di-Đà, thì

trong giây lát thân-thể tự-nhiên nhẹ nhàng; mà cái tâm niệm Phật của ta khỏi bị ác-duyên gì làm cho ngăn ngại được cả.

Bốn là nói: niệm Phật tuy nhiều năm, mà bị ràng buộc theo mối gia-duyên, yêu mến cái tình quyến-thuộc; cho nên trong lúc lâm-chung, nhơn đó mà sái mất chánh-niệm.

Nếu biết sự vô-thường đả đến, thì dầu cho thương tiếc cũng không đặng gì, mà quyết định bỏ hết các duyên, giữ lòng chánh-niệm, thì chắc là nhờ Phật lực mà vảng-sanh đặng liền.

Xưa ngài Thiện-Đạo Hoà-thượng có nói rằng: «Những kẻ phàm-phu muốn sanh về cỏi Tịnh-độ, thì không được sợ chết, mà thường cứ nghỉ rằng: nếu ta bỏ cái uế-thân nầy đặng sanh về Tịnh-độ, cũng như cỏi cái áo rách ra mà bận cái áo tốt vậy. Đó là việc vừa lòng đẹp ý của ta rồi, chớ còn có sự gì nghi nữa».

Vậy nên buông cả thân tâm, giữ sự thanh-tịnh mà niệm Phật; nếu gặp khi đau ốm, không luận nặng hay là nhẹ, thì cũng phải nghỉ đến sự vô-thường một lòng đợi chết, mà lại phải dặn trước những người trong nhà với bà con đến thăm viếng, như có vào chỗ đau, thì phải vì mình mà niệm Phật, chớ không được nói sự gì xen lộn, mà cũng không được đem những sự hơn thua trái phải ở trong nhà và những lời an-ủi cầu chúc mà nói với mình.

Đến khi bịnh ngặt gần chết, thì những người thân-thuộc không được khóc lóc và nổi tiếng than thở, mà làm cho xao động tấm lòng chánh-niệm của người ấy.- Nếu có lòng thương xót, thì cứ đồng thinh niệm Phật mà hộ tống giùm, chờ cho người thiệt tắt hơi hết nóng rồi mới thôi niệm, thì tốt hơn.

Vậy thì chúng ta là người tu Tịnh-nghiệp, nên phải đem cái thuyết ấy mà truyền nói và khuyến gắng với nhau, mà đề gìn giữ cùng nhau, thì mới khỏi phụ cái

công-phu niệm Phật của ta, mà chắc được phần vảng-sanh tự-tại.

14°- Nghi-thức niệm Phật trong hằng ngày.

Bàn thờ Phật thì trở mặt về hướng Đông, còn người niệm Phật thì xây mặt về hướng Tây; mỗi ngày cứ đúng 4 giờ sáng, thì phải thức dậy, thay quần áo mới, súc miệng rửa tay, và rửa mặt cho sạch sẽ.

Khi súc miệng, phải niệm chú: «*Án hám án hản tá há*» (3 lần);- khi rửa tay, phải niệm chú: «*Án chủ ca ra gia tá há* (3 lần);- và khi rửa mặt, phải niệm chú: «*Án lảm tá há*» (3 lần).

Lúc vào trước bàn Phật, thì thắp ba cây hương, hai tay nắm để lên trán mà niệm một lần bài kệ « Cúng hương » như vầy:

Hương-giái, hương-định cùng hương-huệ, hương giải-thoát, hương giải-thoát tri-kiến, năm thứ hương ấy un làm đài mây sáng suốt khắp cõi pháp-giái mà cúng dường trước ngôi Tam-bảo trong mười phương.

Kế niệm ba lần: « *Nam mô hương cúng dường bồ-tát*».

Khi niệm hương, phải giữ tâm cho thanh-tịnh mà tưởng năm món chơn-hương của ta un khắp trong pháp-giái, đặng cúng dường Phật Thích-Ca, Phật Di-Đà, cùng Quan-Âm, Thế-Chí, cả thảy các vị Thánh-chúng trên Hội Liên-trì, và cúng dường đủ chư Phật Bồ-tát trong mười phương.

Khi niệm hương dưng cúng rồi, thì niệm bài «Nguyện chuông» như vầy:

Nguyện tiếng chuông nầy siêu pháp-giái, thiết-vi mấy núi thảy đều nghe, văn-trần đều tịnh chứng viên-thông, cả thảy chúng-sanh đặng thành Phật, nghe tiếng chuông, bớt phiền nảo, thêm trí-huệ, sanh bồ-đề, xa Địa-ngục; khỏi hầm lửa, nguyện thành Phật, độ chúng-sanh.

Kế niệm tiếp theo bài « Chú phá địa-ngục » như vầy: «*Án đà ra đế da ta bà ha*».

Hễ niệm bài «Nguyện chuông» và bài «Chú phá Địa-ngục» ấy một lần, thì đánh một tiếng chuông.- Niệm đủ bảy lần và đánh đủ bảy tiếng chuông như vậy, thì kế niệm (3 lần) chú «Phổ-lễ Tam-bảo» như vầy: «*Án phạ nhựt ra hộc*», rồi lạy ba lạy.

Lúc lễ bái vừa xong, liền quì trước bàn Phật, nhắm hai con mắt lại, quán tưởng thân ta ngồi giữa hoa sen mà lễ Phật, và Phật ở trên tòa sen phóng hào-quang soi đến thân ta mà nhiếp thọ.

Quán tưởng như vậy rồi, thì niệm (3 lần) chú «Tịnh khẩu-nghiệp» như vầy: «*Tu rị tu rị, ma ha tu rị, tu tu rị, tát bà-há*»,- kế niệm (3 lần) chú «Tịnh-thân-nghiệp» như vầy: *tu đa rị, tu đa rị, tu ma rị, tá bà há* — rồi niệm (ba lần) chú «Tịnh-tam-nghiệp» như vầy: *Án ta phạ bà phạ, thực đà ta phạ, đạt mạ ta phạ, bà phạ thực độ hám.*

Khi niệm các chú trên đó vừa xong, thì niệm: «*Nam-mô Bổn-sư Thích-Ca Mâu-ni Phật*» (ba lần), rồi niệm bài «Tán Phật Di-Đà» (một lần) như dưới đây:

A-Di-Đà Phật sắc vàng ngời,
Tướng tốt quang minh hẳn tuyệt vời;
Lông trắng năm non xây chất ngất,
Mắt xanh bốn biển rộng chơi vơi;
Hào quang hoá Phật hơn muôn ức,
Bồ-tát phân thân biết mấy mươi;
Bốn tám lời nguyền nguyền độ chúng,
Bờ kia chín phẩm khiến đều chơi.

Kế niệm: «*Nam-mô Tây-phương Cực-lạc Thế-giái, tam thập lục vạn ức, nhứt thập nhứt vạn, cửu thiên ngũ bách đồng danh đồng hiệu A-Di-Đà-Phật*» (10 lần).

Nam-mô A-Di-Đà Phật (10 lần);
Nam-mô Quan-Thế-Âm Bồ-Tát, (10 lần);
Nam-mô Đại-Thế-Chí Bồ-Tát, (10 lần);
Nam-mô Nhứt-Thế Bồ-Tát Thinh-Văn Chư-Thượng Thiện-Nhơn, (10 lần);

Khi niệm các Thánh-hiệu trên đó rồi, liền đứng dậy chấp tay xướng lại mỗi Thánh hiệu thì lạy một lạy, rồi qui xuống chi tâm niệm (một lần) bài kệ «Thập-phương» như dưới đây :

Mười phương cã Phật ba đời,
Di Đà thứ nhứt tốt vời quang minh ;
Phân làm chín phẩm độ sanh,
Oai-thần đức thánh minh-minh không cùng ;
Ta nay rộng phát một lòng,
Qui-y sám hối ba vòng nghiệp khiên ;
Hễ phàm có mấy phước-duyên,
Hết lòng hồi hướng mà chuyên làm lành ;
Nguyện người niệm Phật với mình ?
Lúc nào cảm ứng quang minh cho tường :
Lâm-chung nguyện cảnh Tây-phương,
Hiện ra trước mặt rỏ ràng chẳng sai ;
Kiến-văn tinh-tấn cã hai,
Đồng về cỏi Phật trong đài Liên-hoa ;
Thấy Phật sanh-tử liễu qua,
Như Phật độ hết những là chúng-sanh.

Khi niệm bài kệ «Thập-phương» rồi, thì tiếp niệm bài nguyện «Nhứt-tâm» như dưới đây :

Một lòng quyết trở về Lạc-quốc,
Đem mình nương đức Phật Di-Đà ;
Xin bưng đèn Tịnh soi qua,
Nhớ lời từ-thệ dắc ta với cùng ;
Ta nay chánh giữ một lòng,
Xưng danh hiệu Phật mà trông một bề ;
Thiết tha vì đạo Bồ-đề,
Nên chi niệm Phật cầu về Tây-phương ;
Phật xưa lời thệ rỏ ràng,
Rằng như có kẻ Thế-gian đó mà ;
Muốn sanh về cỏi nước ta ;
Hết lòng tin thiệt lại là ưa vui ;

Và trong thập-niệm hẳn hòi;
Bằng không sanh đặng ta lui bực hèn ;
Bởi vì niệm Phật nhơn-duyên,
Đặng vào biển Phật thề nguyền ngày xưa;
Nương nhờ Phật lực sớm trưa,
Đả tiêu tội-chướng lại thừa thiện-căn,
Đến khi gần xả báo-thân,
Mình đà dự biết tới chừng nào đi ;
Thân không bịnh khổ chút chi,
Lòng không tham tiếc sự gì Thế-gian;
Ý không điên đảo trở trang,
Như vào Thiền-định an nhàn thảnh thơi;
Phật cùng Bồ-tát các ngài,
Tay bưng một tọa Kim-đài rước ta;
Chừng trong một thí đâu xa,
Sanh về Cực-lạc nở tòa bông-sen;
Nở rồi thấy Phật dạy khuyên,
Phật-thừa, Phật-huệ, nghe liền mở ra;
Chúng-sanh mấy lớp độ qua,
Bồ-đề mấy nguyện cũng là đầy luôn.

Khi niệm bài kệ «Thập-phương» và bài nguyện «Nhứt-Tâm» rồi, thì niệm (một lần) bài nguyện nầy :

Nay tôi phát nguyện, nguyện mấy lời nầy:

Một là nguyện Phật hộ trì, duyên nhiều phước đủ, hơn tám vạn ma-quân bặt dấu, cả bao nhiêu thánh-trí mở lòng, hoa Bát-nhã nở bông, gốc Bồ-đề nảy nhánh, sống không tai bịnh, thác đặng khinh an, về Tây-phương ngồi tọa sen vàng, chơi Bảo-địa dựa nơi lầu ngọc, sớm tiêu trần-tục, mau chứng chơn-thường, huờn độ mười phương, cũng như Phật vậy.

Hai là nguyện Phật hộ trì, âm-dương hai cảnh, người còn khoẻ mạnh, kẻ thác siêu sanh, tám-phương mở cuộc thái-bình, muôn họ chơi miền Cực-lạc, lấp ba đường ác, về một nẻo chơn, ai nấy đều nương đặng chánh-nhơn, trước sau cũng chứng thành diệu-quả.

Ba là nguyện Phật hộ-trì, dắc người mê-mộng, tránh đường lợi-dụng, rữa bụi công-danh, mộ sự tu-hành, giữ bề giái-luật, niệm niệm A-Di-Đà Phật, ngày ngày dỏng mảnh tinh-thần, không tham không sân, biết tà biết chánh, đều thoát ngoài vòng mê-tín, thảy vào trong cửa không-môn, phước thừa lưu lại tử-tôn, cỏi Tịnh về theo Phật-Tổ, Nam-mô A-Di-Đà Phật.

Khi nguyện như trên đó rồi, thì niệm (ba lần) chú «Vảng-sanh» như vầy: «*Bạt nhứt thế nghiệp chướng căn-bổn, đắc sanh Tịnh-độ đà la ni — Nam-mô A di đa bà dạ chiếc tha dà đá, hạ chiếc trại, dạ tha a di-lý, đô bà tì a di lý chiếc, tất đam bà tì, a di lý chiếc, tì ca lang đế a di lý chiếc, ti ca lang chiếc, dà di nị, dà dà na, chỉ đa ca lệ, ta bà ha* (1).

Niệm chú «Vảng-Sanh» trên đó rồi, kế niệm bài nguyện nầy:

Nguyện sanh về cỏi Phật Di Đà,
Chín phẩm sen vàng ấy mẹ cha;
Hoa nỡ tỏ lòng khi thấy Phật,
Bực ngài Bồ-tát bạn bè ta;
Xin đem công đức ấy, khắp gội cho cả thảy,
Tôi đây với chúng-sanh, đều đặng thành Phật vậy.

Khi nguyện xong rồi, thì đứng dậy chấp tay niệm như vầy:

«*Tôi qui-y Phật, nguyện cho chúng-sanh, rõ biết đạo Phật, phát lòng vô thượng*; »

Tôi qui-y Pháp, nguyện cho chúng-sanh, hiểu thấu lý kinh, trí huệ như biển;

Tôi qui-y Tăng, nguyện cho chúng-sanh, thống lý cả chúng, đều đặng vô ngại.

(Ba câu trên đây, niệm mỗi câu, thì đánh mỗi tiếng chuông và lạy mỗi lạy).

Kế xướng: «*Hòa nam Thánh chúng*»

---

(1) Chú Vảng-sanh trên đó thì trong kinh Di-Đà Chú-Giải có dẫn lời của ngài Cưu-Na-Bạt-Đà đã tra cứu trong truyện « Di-Đà Bất-Tư-Nghị-Thần-Lực », nói chú ầy nguyên 15 câu và 59 chữ như vậy, nên có khác hơn chú Vảng-sanh trong các chùa thường đọc lâu nay.

Những nghi-thức niệm Phật ấy là nói về phép niệm thường trong hằng ngày, hằng năm.

Nếu người nào có lòng hướng-thượng, thì trừ ra lúc niệm ấy rồi, hoặc trưa hoặc tối, muốn tụng kinh Di-Đà, kinh Vô-Lượng-Thọ, hay là các kinh Đại-thừa đã nói trước đó, mà đem công-đức ấy hồi hướng về Tịnh-độ, thì lại càng tốt nữa.

Bằng như không tụng kinh được, thì cứ y theo thời khắc và thứ lớp niệm nguyện đã chỉ đó mà làm, đừng cho gián-đoạn, dầu có gặp lúc trong nhà rộn việc, hay là có duyên cớ gì đi tới nhà khác, cũng phải tùy cơ phương-tiện mà niệm nguyện, chớ không nên bỏ.

Nếu được như vậy luôn luôn, thì chứa ngày làm tháng, chứa tháng làm năm, chứa năm làm đời, thiện-căn càng sâu, phước-đức càng lớn; chắc là đến lúc lâm-chung: *đài vàng Phật rước ta đây, hào quang soi rõ mặt mày bổn-lai.*

TỊNH-ĐỘ-TÔNG

BỐN MƯƠI TÁM LỜI NGUYỆN
CỦA
PHẬT A-DI-ĐÀ

Giáo pháp của nhà Phật hiện nay đã gần lan khắp cả hoàn-cầu, mà phần nhiều thì người ta đều tín-hướng về pháp-môn Tịnh-độ.

Tây-phương Tịnh-độ là một cõi nhiếp-hoá của Phật A-Di-Đà, do nơi hạnh-nguyện rộng lớn mà tạo thành ra, rất thanh-tịnh và rất trang-nghiêm hơn hết các cõi Tịnh-độ trong thập-phương Chư Phật, mà lại là một cữa tu rất dễ-dàng và rất trực-thiệp, chỉ giữ trọn cái công-phu thập-niệm cho được nhứt tâm, thì trông thấy cái hiệu-quả «vảng-sanh thành Phật», chớ không phải gian nan hiểm trở như các pháp-môn khác.

Nhưng muốn tu Tịnh-độ mà cầu sanh về Tây-phương, thì cần phải biết những chỗ «tu nhơn chứng quả» của Phật A-Di-Đà mới được.

Nay y theo trong kinh mà diễn 48 lời nguyện dưới đây, không chút nào dám sai sót ý chỉ của Phật, để hiến cống cho các bạn tri-thức tường lảm.

Vậy kính xin chư phương Thiền-đức và Thiện-tín đạo-lưu, nếu đã có lòng tin pháp Tịnh-độ mà nguyện về Tây-phương, thì mỗi năm, đến ngày mười bảy tháng mười một, chính là ngày vía của Phật A-Di-Đà, nên thiết hương hoa trà quả mà dưng cúng ngài, rồi tụng đủ 48 lời nguyện và lễ 48 lạy, thì đến lúc mạng-chung, chắc có

Phật hiện-tiền tiếp dẫn mà đặng sanh về Liên-phẩm rất cao.

Trong kinh Đại-A-Di-Đà nói rằng: Hồi kiếp hàng-sa vô-lượng trước, có Phật Thế-Tự-Tại-Vương ra đời, trụ thế bốn mươi hai kiếp mà giáo hoá chúng-sanh.

Thuở ấy, có một vị Quấc-vương nước lớn, tên là Kiều-Thi-Ca, tới hầu Phật Thế-Tự-Tại-Vương mà nghe thuyết pháp, rồi tỏ ngộ vui mừug, liền bỏ ngôi vua mà xuất gia làm sa-môn, hiệu là Pháp-Tạng Tì-khưu (tức là Phật A-Di-Đà), trí huệ tài dỏng không ai sánh bằng.

Có một bửa, ngài đảnh lễ dưới chơn Phật Thế-Tự-Tại-Vương, rồi quì xuống chấp tay cầu Phật chứng-minh mà phát 48 lời nguyện như dưới nầy:

Lời nguyện thứ nhứt.— Tôi nguyện đến khi tôi làm Phật, thì trong nước tôi không có Địa-ngục, Ngạ-quỉ, và các loài cầm-thú, cùng loài mòng bay mạy cựa.- Nếu tôi nguyện mà không đặng như vậy, thì tôi chẳng làm Phật.

Lời nguyện thứ 2.— Tôi nguyện đến khi tôi làm Phật, thì trong nước tôi không có đàn bà con gái.- Còn như các trời và nhơn-dân của các Thế-giới vô-lượng, cho đến loài mòng bay mạy cựa, mà lại sanh về nước tôi, thì đều hoá-sanh vào trong bông sen nơi ao Thất-bảo.- Nếu tôi nguyện mà không đặng như vậy, thì tôi chẳng làm Phật.

Lời nguyện thứ 3.— Tôi nguyện đến khi tôi làm Phật; thì người trong nước tôi, khi nào ăn thì trong bát Thất-bảo đủ có trăm món ngon hiện liền, chớ không đợi mua sắm, và khi ăn rồi thì các đồ khí-dụng bèn tiêu mất, chớ không đợi dọn cất.- Nếu tôi nguyện mà không đặng như vậy, thì tôi chẳng làm Phật.

Lời nguyện thứ 4.— Tôi nguyện đến khi tôi làm Phật, thì người trong nước tôi, muốn bận thứ áo quần gì, tức thời hoá hiện đủ cả, chớ không đợi may sắm, nghề nhuộm

và giặt ủi.- Nếu tôi nguyện mà không đặng như vậy, th tôi chẳng làm Phật.

Lời nguyện thứ 5.— Tôi nguyện đến khi tôi làm Phật, thì trong nước tôi, từ mặt đất lên thẳng hư không, đều có đủ các thứ nhà cửa cung điện lầu các, và ao sông bông cây, mà các thứ ấy đều dùng những châu báu và trăm ngàn món hương thơm, hiệp lại mà tạo thành ra, văn sức lạ mầu và đẹp đẻ hơn hết, mùi hương ấy xông khắp cả Thế-giới mười phương, làm cho chúng-sanh đều tu hạnh-nguyện.- Nếu tôi nguyện mà không đặng như vậy, thi tô chẵng làm Phật.

Lời nguyện thứ 6.— Tôi nguyện đến khi tôi làm Phật thì người trong nước tôi đều thương kỉnh nhau, và không ganh ghét nhau.- Nếu tôi nguyện mà không đặng như vậy. thì tôi chẳng làm Phật.

Lời nguyện thứ 7.— Tôi nguyện đến khi tôi làm Phật, thì người trong nước tôi đều không có cái lòng dâm dật. nóng giận và mê dại.- Nếu tôi nguyện mà không đặng nhu vậy, thì tôi chẳng làm Phật.

Lời nguyện thứ 8.— Tôi nguyện đến khi tôi làm Phật, thì người trong nước tôi đồng một lòng thiện niệm, chẳng lầm lạc nẻo nào, và muốn nói chuyện gì, thì đều đã trước biết ý nhau cả.- Nếu tôi nguyện mà không đặng như vậy, thì tôi chẳng làm Phật.

Lời nguyện thứ 9.— Tôi nguyện đến khi tôi làm Phật, thì người trong nước tôi đều chẳng nghe cái tiếng bất-thiện, huống chi là có sự bất-thiện thiệt.- Nếu tôi nguyện mà không đặng như vậy, thì tôi chẳng làm Phật.

Lời nguyện thứ 10.— Tôi nguyện đến khi tôi làm Phật, thì người trong nước tôi biết huyễn-thân như tuồng mv, không lòng tham-nhiễm.- Nếu tôi nguyện mà không đặng như vậy, thì tôi chẳng làm Phật.

Lời nguyện thứ 11.— Tôi nguyện đến khi tôi làm Phật, thì trong nước tôi, tuy là các Trời và người thế-gian có

khác nhau, mà hình dung đồng một loại sắc vàng, mặt mày nghiêm chánh trong sạch đẹp đẻ, không xấu lại không lạ.- Nếu tôi nguyện mà không đặng như vậy, thì tôi chẳng làm Phật.

Lời nguyện thứ 12. — Tôi nguyện đến khi tôi làm Phật, dầu trong mười phương vô-lượng Thế-giới, từ các Trời và nhơn-dân, cho đến những giống mòng bay mạy cựa, đều đặng làm loài người, và đều chứng bực Thinh-văn Duyên-giác, mà đều toạ thiền nhứt tâm cả thảy, rồi cùng nhau suy tính cái tuổi sống lâu của tôi coi là mấy ngàn vạn ức kiếp, thì rốt lại cũng không có ai biết đặng.- Nếu tôi nguyện mà không đặng như vậy, thì tôi chẳng làm Phật.

Lời nguyện thứ 13. — Tôi nguyện đến khi tôi làm Phật, dầu cho các ngàn ức Thế giới trong mười phương, từ các Trời và nhơn-dân, cho đến những giống mòng bay mạy cựa, đều đặng làm loài người và đều chứng bực Thinh-văn Duyên-giác, mà đều toạ thiền nhứt tâm cả thảy, rồi cùng nhau suy tính cái số người trong nước tôi coi là mấy ngàn ức vạn, thì rốt lại cũng không có ai biết đặng.- Nếu tôi nguyện mà không đặng như vậy, thì tôi chẳng làm Phật.

Lời nguyện thứ 14.— Tôi nguyện đến khi tôi làm Phật, thì người trong nước tôi đều sống lâu đến vô-lượng, không có thể gì biết số là bao nhiêu cả.- Nếu tôi nguyện mà không đặng như vậy, thì tôi chẳng làm Phật.

Lời nguyện thứ 15.— Tôi nguyện đến khi tôi làm Phật; thì người trong nước tôi trụ vào ngôi chánh-tín, ly các mối tưởng điên-đảo, xa lìa sự phân-biệt, các căn đều vắng lặng và an trụ nơi bực tột Niết-bàn.- Nếu tôi nguyện mà không đặng như vậy, thì tôi chẳng làm Phật.

Lời nguyện thứ 16. Tôi nguyện đến khi tôi làm Phật, thì các chỗ thọ-dụng của người trong nước tôi đều vui sướng, thảy đồng với các vị Tỉ-khưu đã đến bực vô-lậu rồi.- Nếu tôi nguyện mà không đặng như vậy, thì tôi chẳng làm Phật.

Lời nguyện thứ 17.— Tôi nguyện đến khi tôi làm Phật, thì tôi nói kinh và hành-đạo thập bội hơn các Phật.- Nếu tôi nguyện mà không đặng như vậy, thì tôi chẳng làm Phật.

Lời nguyện thứ 18.— Tôi nguyện đến khi tôi làm Phật, thì người trong nước tôi đặng túc-mạng-thông, biết đặng việc của trăm ngàn ức Na-do-tha về kiếp trước.- Nếu tôi nguyện mà không đặng như vậy, thì tôi chẳng làm Phật.

Lời nguyện thứ 19.— Tôi nguyện đến khi tôi làm Phật, thì người trong nước tôi đều đặng con mắt thiên-nhản, thấy cả trăm ngàn ức Na-do-tha Thế-giới.- Nếu tôi nguyện mà không đặng như vậy, thì tôi chẳng làm Phật.

Lời nguyện thứ 20.— Tôi nguyện đến khi tôi làm Phật, thì người trong nước tôi đều đặng lỗ tai thiên-nhỉ, nghe đặng tiếng thuyết-pháp của trăm ngàn ức Na-do-tha Phật, nghe rồi đều hay thọ tri.- Nếu tôi nguyện mà không đặng như vậy, thì tôi chẳng làm Phật.

Lời nguyện thứ 21.— Tôi nguyện đến khi tôi làm Phật, thì người trong nước tôi đặng cái trí «tha-tâm», biết hết tâm niệm của chúng-sanh trong trăm ngàn ức Na-do-tha Thế-giới.- Nếu tôi nguyện mà không đặng như vậy, thì tôi chẳng làm Phật.

Lời nguyện thứ 22.— Tôi nguyện đến khi tôi làm Phật, thì người trong nước tôi thảy đặng thần-túc-thông, trong một giây lát, thì vượt khỏi trăm ngàn ức Na-do-tha Thế-giới.- Nếu tôi nguyện mà không đặng như vậy, thì tôi chẳng làm Phật.

Lời nguyện thứ 23.— Tôi nguyện đến khi tôi làm Phật, thì khắp cả vô-lượng Thế-giới trong mười phương đều nghe danh-hiệu của tôi, và các Phật ở trong đại-chúng đều khen công-đức của tôi và quảng-độ của tôi hơn hết. Còn nếu các Trời và nhơn-dân, cho đến những loài mòng bay mạy cựa, nghe danh-hiệu của tôi mà sanh lòng từ thiện mừng rở, thì

đều khiến sanh về nước tôi cả.- Nếu tôi nguyện mà không đặng như vậy, thì tôi chẳng làm Phật.

Lời nguyện thứ 24.— Tôi nguyện đến khi tôi làm Phật, thì ánh quang-minh nơi đảnh tôi hết bực diệu mầu, sáng hơn mặt trời mặt trăng xấp đến trăm ngàn ức phần.— Nếu tôi nguyện mà không đặng như vậy, thì tôi chẳng làm Phật.

Lời nguyện thứ 25.— Tôi nguyện đến khi tôi làm Phật thì ánh quang-minh của tôi soi khắp cả vô-lượng thiên-hạ, mấy chỗ tối tâm đều đặng chói sáng, và các Trời cùng nhơn-dân cho đến những loài mòng bay mạy cựa, nếu thấy ánh quang-minh của tôi, thì ai cũng khởi lòng từ-thiện khiến đều sanh về nước tôi cả.- Nếu tôi nguyện mà không đặng như vậy, thì tôi chẳng làm Phật.

Lời nguyện thứ 26.— Tôi nguyện đến khi tôi làm Phật, thì các Trời và nhơn-dân, cho đến những loài mòng bay mạy cựa, ở trong vô-lượng Thế-giới mười phương, nhờ ánh sáng quang-minh của tôi xúc vào thân-thể, thì thân tâm từ hòa hơn các người ở cỏi Trời. - Nếu tôi nguyện mà không đặng như vậy, thì tôi chẳng làm Phật.

Lời nguyện thứ 27.— Tôi nguyện đến khi tôi làm Phật, mà trong các Trời và nhơn-dân, có ai phát lòng bồ-đề phụng trì trai giới, làm sáu pháp Ba-la-mật, tu các công-đức, chí tâm phát nguyện, muốn sanh về nước tôi, thì đến khi lâm-chung, tôi và đại-chúng hiện ra trước mặt người đó mà tiếp dẫn vảng-sanh, đặng làm bực Bồ-tát Bất-thối-chuyển.- Nếu tôi nguyện mà không đặng như vậy, thì tôi chẳng làm Phật.

Lời nguyện thứ 28.— Tôi nguyện đến khi tôi làm Phật, thì các Trời và nhơn-dân ở trong vô-lượng Thế giới mười phương nghe danh-hiệu của tôi mà đốt hương, dưng hoa, thắp đèn, và treo gấm cúng dường sa-môn khởi tạo chùa tháp, trai giới thanh tịnh, thêm làm các sự lành, nhứt tâm nhớ tưởng tôi, dầu trong một ngày đêm nhớ hoài chẳng dứt, thì cũng sanh về nước tôi. Nếu tôi nguyện mà không đặng như vậy, thì tôi chẳng làm Phật.

Lời nguyện thứ 29. — Tôi nguyện đến khi tôi làm Phật, thì các Trời và nhơn-dân ở trong vô-lượng Thế-giới mười phương hết lòng tin mến, nguyện sanh về nước tôi, mười tiếng niệm danh-hiệu của tôi, đều đặng vảng-sanh, chỉ trừ người phạm tội ngủ-nghịch và khinh dể chánh-pháp.- Nếu tôi nguyện mà không đặng như vậy, thì tôi chẳng làm Phật.

Lời nguyện thứ 30. — Tôi nguyện đến khi tôi làm Phật, thì các Trời và nhơn-dân, cho đến những loài mòng bay mạy cựa ở trong vô-lượng Thế-giới mười phương, kiếp trước đã làm ác, rồi sau nghe đến danh-hiệu tôi, liền sám hối mà làm lành, trì kinh giữ giới, nguyện sanh về nước tôi, đến khi lâm-chung, khỏi đọa vào đường tam-ác, mà đặng thẳng tới Liên-trì, muốn những việc gì đều đặng như ý.-Nếu tôi nguyện mà không đặng như vậy, thì tôi chẳng làm Phật.

Lời nguyện thứ 31. — Tôi nguyện đến khi tôi làm Phật, thì các Trời và nhơn-dân ở trong vô lượng Thế-giới mười phương nghe danh-hiệu của tôi, nhứt tâm đảnh lễ qui-y, vui mừng tin mến, tu hạnh Bồ-tát, và ai thấy cũng khởi lòng cung kính.-Nếu tôi nguyện mà không đặng như vậy thì tôi chẳng làm Phật.

Lời nguyện thứ 32. — Tôi nguyện đến khi tôi làm Phật, thì những đàn bà con gái ở trong vô-lượng Thế-giới mười phương, nghe danh-hiệu của tôi, mà vui mừng tin mến, phát lòng bồ-đề, nhàm chán thân đàn bà, sau khi mạng-chung khỏi thọ cái thân phụ-nử nữa.- Nếu tôi nguyện mà không đặng như vậy, thì tôi chẳng làm Phật.

Lời nguyện thứ 33. — Tôi nguyện đến khi tôi làm Phật, phàm tất cả chúng-sanh sanh về nước tôi, thì trong một lần sanh đó, đã chẳng thối-chuyển mà lại bổ xứ làm Phật, nhưng chỉ trừ ra bổn-nguyện của người nào muốn tới phương khác đặng hóa-độ chúng-sanh, tu hạnh Bồ-tát, cúng dường các Phật, thì tùy ý đặng sanh qua phương khác. Tôi lấy sức oai-thần của tôi mà giúp người ấy giáo-hóa hết thảy chúng-sanh đều phát lòng tin, tu hạnh Bồ-đề, hạnh Phổ-

hiền, hạnh Tịch-diệt, hạnh Tịnh-phạm, hạnh Tối-thắng, và tất cả các thứ thiện-hạnh.- Nếu tôi nguyện mà không đặng như vậy,thì tôi chẳng làm Phật.

Lời nguyện thứ 34. — Tôi nguyện đến khi tôi làm Phật, thì người trong nước tôi muốn sanh qua phương khác, sở nguyện chắc đặng hoàn toàn và chẳng đọa-lạc vào ba đường ác-đạo nữa - Nếu tôi nguyện mà không đặng như vậy, thì tôi chẳng làm Phật.

Lời nguyện thứ 35.— Tôi nguyện đến khi tôi làm Phật, thì các vị Bồ-tát trong nước tôi, dùng những các món hương hoa phướng lọng, và ngọc chơn-châu, chuỗi anh-lạc, muốn đến cả vô-lượng Thế-giới cúng dường Chư Phật, liền đi khắp hết nội trong một buổi ăn.-Nếu tôi nguyện mà không đặng như vậy, thì tôi chẳng làm Phật.

Lời nguyện thứ 36.— Tôi nguyện đến khi tôi làm Phật, thì các Bồ-tát trong nước tôi, muốn sắm đủ muôn món vật báu dẫng cúng dường vô-lượng Phật trong mười phương, tức thì đều có mà cúng dường khắp cả nội trong ngày ấy, chưa đến trưa mà đã liền về tới nước tôi rồi.- Nếu tôi nguyện mà không đặng như vậy, thì tôi chẳng làm Phật.

Lời nguyện thứ 37.— Tôi nguyện đến khi tôi làm Phật, thì các Bồ-tát trong nước tôi, hoặc thọ trì kinh pháp, hoặc phúng tụng diễn thuyết, đều đặng cái tài luận-biện và cái trí bác-nhả - Nếu tôi nguyện mà không đặng như vậy, thì tôi chẳng làm Phật.

Lời nguyện thứ 38.— Tôi nguyện đến khi tôi làm Phật, thì các Bồ-tát trong nước tôi hay diễn-thuyết tất cả pháp, trí huệ biện tại rất rộng rất nhiều, không có hạn lượng.- Nếu tôi nguyện mà không đặng như vậy, thì tôi chẳng làm Phạt.

Lời nguyện thứ 39.— Tôi nguyện đến khi tôi làm Phật, thì các Bồ-tát trong nước tôi đều đặng cái sức rất kiên-cố dỏng-mảnh, còn thân-thể thì toàn là sắc vàng rất tốt, đủ ba mươi hai tướng, tám mươi món đẹp đẻ, và thuyết kinh

hành đạo cũng như các Phật.- Nếu tôi nguyện mà không đặng như vậy, thì tôi chẳng làm Phật.

Lời nguyện thứ 40.— Tôi nguyện đến khi tôi làm Phật, thì trong nước tôi trong sạch, soi thấy cả vô-lượng Thế-giới mười phương; còn các Bồ-tát muốn thấy tất cả cõi Phật nghiêm tịnh trong cây bảo-thọ, thì trong cây ấy tức thì ứng hiện đủ cả, tỏ như gương sáng dòm thấy mặt vậy.- Nếu tôi nguyện mà không đặng như vậy, thì tôi chẳng làm Phật.

Lời nguyện thứ 41.— Tôi nguyện đến khi tôi làm Phật, thì các Bồ-tát trong nước tôi, dầu có vị nào ít công-đức, cũng hay thấy và hay biết cây đạo-tràng của tôi, cao đến bốn ngàn do-tuần.- Nếu tôi nguyện mà không đặng như vậy, thì tôi chẳng làm Phật.

Lời nguyện thứ 42.— Tôi nguyện đến khi tôi làm Phật, thì các Trời và người Thế-gian, cùng hết thảy muôn vật ở trong cõi tôi, đều nghiêm sạch sáng tốt, hình sắc đẹp đẽ, dầu chúng-sanh có con mắt thiên-nhản, cũng không thể biện đặng danh số.- Nếu tôi nguyện mà không đặng như vậy, thì tôi chẳng làm Phật.

Lời nguyện thứ 43.— Tôi nguyện đến khi tôi làm Phật, thì người trong nước tôi tùy theo chí-nguyện, như muốn nghe pháp, thì đều tự-nhiên đặng nghe.- Nếu tôi nguyện mà không đặng như vậy, thì tôi chẳng làm Phật.

Lời nguyện thứ 44.— Tôi nguyện đến khi tôi làm Phật, thì các hàng Bồ-tát và Thinh-văn trong nước tôi, ai ai cũng đều là trí-huệ oai-thần. trên đảnh đều có ánh quang-minh, tiếng nói rổng rang và thuyết pháp hành đạo cũng như các Phật.- Nếu tôi nguyện mà không đặng như vậy, thì tôi chẳng làm Phật.

Lời nguyện thứ 45 — Tôi nguyện đến khi tôi làm Phật, mà các Bồ-tát ở Thế-giới phương khác nghe danh-hiệu của tôi đều qui-y tinh tấn, thì đặng pháp «Chánh-định thanh-tịnh giải-thoát», nếu phát ý trong một giây phút, thì cúng dường không biết bao nhiêu hằng hà sa số Chư Phật,

mà chẳng mất chánh-định. - Nếu tôi nguyện mà không đặng như vậy, thì tôi chẳng làm Phật.

Lời nguyện thứ 46. — Tôi nguyện đến khi tôi làm Phật, mà các Bồ-tát ở Thế-giới phương khác, nghe danh-hiệu của tôi đều qui-y tinh tấn, thì đặng pháp « Chánh-định phổ-đẳng», nhẫn đến thành Phật, lại thường thấy tất cả vô-lượng Chư Phật.- Nếu tôi nguyện mà không đặng như vậy, thì tôi chẳng làm Phật.

Lời nguyện thứ 47. — Tôi nguyện đến khi tôi làm Phật, mà các Bồ-tát ở Thế-giới phương khác, nghe danh-hiệu của tôi đều qui-y tinh tấn, thì liền đặng cái địa vị bất-thối-chuyển.- Nếu tôi nguyện mà không đặng như vậy, thì tôi chẳng làm Phật.

Lời nguyện thứ 48. — Tôi nguyện đến khi tôi làm Phật, mà các Bồ-tát ở Thế-giới phương khác, nghe danh-hiệu của tôi đều qui-y tinh tấn, thì liền chứng đặng ngôi «Đệ-nhứt-nhẫn», «Đệ-nhị-nhẫn», và «Đệ-tam-nhẫn» ở trong các pháp của Phật, không có khi nào thối-chuyển nửa.- Nếu tôi nguyện mà không đặng như vậy, thì tôi chẳng làm Phật

TỊNH-ĐỘ-TÔNG

PHÁP TỊNH-ĐỘ NAY CÓ HIỆN-CHỨNG.

Pháp Tịnh-độ là một pháp tu hành cần yếu thứ nhứt, vì sự lý không hại nhau, và chư căn đều thâu cả.

Xưa lúc Phật còn đương tại-thế, các vị Đại-La-Hán và Đại-Bồ-Tát hỏi đủ các pháp-môn, mà đến pháp-môn Tịnh-độ thì Phật tự nói, chớ không ai hỏi tới; vì pháp-môn ấy rất lớn, nên chúng-sanh khó hiểu và khó tin.

Tại sao mà khó hiểu?

Bởi vì chúng-sanh căn hèn trí kém, không rõ thấu cái lý Tịnh-độ có ba tạng: một là tạng « không », hai là tạng « bất-không », và ba là tạng « không-bất-không ».

Tại sao mà khó tin?

Bởi vì con mắt của chúng-sanh quen thấy quấc-độ Ta-bà cực khổ nầy, chớ chẳng từng thấy cái cảnh-giới Tây-phương khoái lạc kia, nên cho cái lý vảng-sanh chắc là không có.- Vì vậy mà không tin.

Gia dỉ chúng-sanh thấy Phật dạy sự tu Tịnh-độ rất vắn tắt, rất dễ dàng, thì nghi rằng không lý công phu như vậy, mà đặng thành Phật.

Đã vậy mà chúng-sanh lại thấy pháp-môn ấy chuyên tu về bên sự tướng, rồi trở nghi rằng pháp phương-tiện của Phật dạy những người căn-khí tầm thường, để cho đàn-bà con nít tu phước mà thôi, chớ không phải là pháp thâm-diệu.— Vì vậy mà càng không tin.

Sự lý của pháp Tịnh-độ, thì đã giảng giải rành rẻ ở trước rồi; nhưng ngặt vì nghé con chẳng biết sợ cọp, thấy thì báng càn; như nay có mấy cái thuyết ra đề xướng hô hào, công kích pháp-môn ấy, cho là hư ngụy, không chứng cứ

và không thích hợp với cái triều-lưu tư tưởng trong khoảng thời-gian nầy, nên phải biện thêm nửa.

Than ôi !- Người lùn coi hát mà không thấy, thầy bói rờ voi lại cải bậy; thế mà lắm kẻ nghe lầm, nhiều người theo bướng; thiệt là quần-manh dần quần-manh!

Họ có biết đâu pháp-môn Tịnh-độ là một nẽo xu-hướng của công-chúng xưa nay, chẳng những Tây-Thiên Lịch-Tổ đều tín-thọ phụng-hành mà thôi, cho đến Đông-Độ Cao-Tăng cũng nhứt tâm qui-mạng là khác nửa. Đó là thuộc về chuyện đời quá-khứ.

Còn đương thời hiện-tại nầy, văn-minh như Nhựt-bổn, trí-thức như nước Tàu, mà người ta cũng đều công-nhận pháp Tịnh-độ là một pháp rất vi-diệu của Phật, rất lợi-ích cho đời ; theo trong bộ « Thái-Hư văn-sao », thì có tự-sự rõ ràng, chớ không phải là vô cớ.

Hồi năm 1933, có ba ông thầy Tàu đến viếng Tòa-soạn « Từ-Bi-Âm » và hiến-cống hai tờ « Pháp-bảo tân-san » : Một tờ nguyên của Hội Phật-Học ở tại Hướng-cảng, nói về lịch-sử Phật Thích-Ca, xuất bản bữa mùng tám tháng tư Annam năm Quí-dậu, nhằm ngày 2 Février 1933, và một tờ nữa nguyên của ngài Ấn-quang pháp-sư ở Tàu, nói về pháp-môn Tịnh-Độ, xuất bản bữa mùng mười tháng 10 annam năm Nhâm-thân, nhằm ngày 7 Novembre 1932.

Hai tờ Pháp-bảo ấy còn lưu tại Toà-soạn « Từ-Bi-Âm », để làm một cái hiện-chứng của các nơi đương tu hành trong hiện-thời.

Vậy nay xin nhơn theo tờ « Pháp-bảo » của ngài Ấn-quang mà phiên-dịch ra quấc-văn như dưới đây, đặng trước là minh cái án công-nhận Tịnh-độ cho quần-chúng biết và sau nữa cũng có bổ-ích cho những người lâu nay tín-ngưỡng về pháp-môn niệm Phật.

Pháp-môn Tịnh-Độ gội khắp ba cấn (1° thượng-căn, 2° trung-căn, và 3° ha-căn), thâu tất cã kẻ phạm người trí. Đó là Phật vì hết thảy bực Thượng-thánh và bực Hạ-phàm

mà khai thị pháp-môn ấy, khiến đều phải tu theo, vì là một pháp lớn ra khỏi được luân-hồi vậy. Thế mà nhiều người chẳng tin chẳng tu, thì thiệt là nên tiếc!

Như tu Tịnh-Độ, thì phải lấy ba pháp: 1° « Tín », 2° « Hạnh », và 3° « Nguyện », mà làm gốc.

« *Tín* », nghĩa là tin cái Thế-giới nầy là khổ; tin cái Thế-giới Cực-lạc thiệt là vui; tin cái nghiệp-lực phàm-phu của chúng ta chắc là dứt hoặc chứng chơn, và liều sanh thoát tử không nỗi, và tin Phật A-Di-Đà có lời thệ-nguyện lớn, nếu có chúng-sanh nào niệm danh-hiệu của ngài mà cầu sanh về nước Cực-lạc, thì đến khi lâm-chung, người ấy chắc thấy ngài phóng-quang mà tiếp-dẫn đem về Tây-phương.

« *Nguyện* », nghĩa là nguyện cho mau ra khỏi Thế-giới Ta-bà cực khổ nầy, và nguyện cho mau vảng-sanh về Thế-giới Cực-lạc vui sướng kia.

« *Hạnh* », nghĩa là thành tâm khẩn khiết, thường niệm « *Nam-mô A-Di-Đà-Phật* », giờ nào và phút nào cũng vậy, và tưởng nhớ luôn luôn, đừng cho gián-đoạn.

Còn mỗi ngày, hai buổi sớm chiều, muốn bái sám tụng kinh trước Phật, thì phải tùy theo sự nhà của mình, rảnh hay là bận, mà lập ra một cái trình-độ cho có chừng đỗi, để làm công-khóa hằng ngày.

Ngoài ra buổi công-khóa ấy, thì khi đi đứng nằm ngồi, hay là khi làm những việc gì không phải cấp đó, đều phải niệm Phật.

Đến khi ngủ, phải mặc-niệm trong lòng, chớ không nên lớn tiếng, và chỉ niệm nội bốn chữ «*A-Di-Đà Phật*», chớ ít chữ đặng để niệm.

Còn nếu khi nào khăn áo không đặng tề chỉnh, hay là khi tắm rửa, khi đi tiểu-tiện và đại-tiện, hoặc khi tới mấy chỗ không sạch-sẻ, thì cũng đều mặc-niệm trong lòng hết thảy.

Pháp niệm Phật, bất kỳ niệm lớn hay là niệm nhỏ, niệm mau hay là niệm chậm, niệm thầm hay là niệm ra tiếng,

đều phải trong lòng nghĩ cho đặng tỏ rõ, trong miệng niệm cho đặng tỏ rõ, và trong tai nghe cho đặng tỏ rõ. — Như vậy thì tâm mới chẳng loạn, vọng-tưởng mới tiêu, chánh-niệm mới thuần, thì công-đức ấy lớn không biết mấy!

Người niệm Phật phải hiếu dưỡng cha mẹ, thờ thầy và kính trọng những người có tuổi tác đạo đức, thường khởi lòng từ-thiện, đừng sát-sanh, và phải ăn chay trường.

Nếu chưa dứt đặng sự ăn mặn, thì ăn chay kỳ, nhưng phải giữ một giới sát chớ phạm, và tu mười nghiệp-thiện, tức là thân chẳng sát-sanh, chẳng trộm-cắp, và chẳng tà-dâm ; — miệng chẳng nói láo, chẳng nói điếm, chẳng nói đâm, và chẳng nói dữ ;— lòng chẳng tham-lam, chẳng nóng-giận và chẳng mê-hoặc.

Lại cần phải cha lành con thảo, anh thương em kính, chồng hòa vợ thuận, thầy thương tớ, tớ ngay thầy, ai ai cũng đều lo giữ cho hết phận sự, đừng so tính với ai cả, chỉ giữ phận-sự của mình mà thôi.

Nếu trong là gia-đình, ngoài là xã-hội, mà hay giữ tròn đặng cái phận-sự, thì người ấy tức là người lành ; và nếu niệm Phật cầu sanh về Tây-phương, thì đến khi lâm-chung, chắc đặng vảng-sanh.

Nếu người nào tuy thường niệm Phật, mà tâm chẳng y theo đạo, ăn ở chẳng hết phận-sự với trong nghĩa cha mẹ, vợ con, anh em, tộc thuộc, bạn hữu, và làng xóm, thì tâm của người ấy trái hẳn với Phật rồi.- Nếu đã trái với Phật, thì khó đặng vảng-sanh, vì tự-tâm của người ấy phát sanh những đều chướng-ngại, che lấp cái nẻo lộ quang-minh ; nên Phật tuy từ-bi, nhưng không do đâu mà tiếp-dẫn đặng.

Lại người niệm Phật phải khuyên tất cả cha mẹ, vợ con, anh em, tộc thuộc, bạn hữu, và làng xóm, đều thường cũng niệm «*Nam-mô A-Di-Đà Phật, Nam-mô Quan-Thế-Âm Bồ-Tát, Nam-mô Đại-Thế-Chí Bồ-Tát* », mỗi ngày « thập-niệm » rồi, hễ niệm một vạn tiếng « *Phật* », thì niệm năm

trăm tiếng « *Quan-Âm* », và năm trăm tiếng « *Thế-Chí* », cứ chiếu theo số ấy mà tùy lực gia giảm.

Cái sự lợi-ích đó rất lớn, lẻ nào khiến cha mẹ và quyến-thuộc thân-hữu của mình ,chẳng đặng nhờ chung hay sao?

Huống chi cái thế-đạo ngày nay là một cái trường-đại hoạn-nạn; nếu muốn một ngày kia tránh khỏi, thì chỉ có một pháp niệm Phật mà thôi; vì niệm Phật thì chắc là nhờ Phật ủng-hộ; gặp sự hung hóa ra sự hiền, tức là lánh đặng tai nạn, mà lại nghiệp cũng đặng tiêu, trí cũng đặng sáng, chướng cũng đặng hết, và phước cũng đặng thạnh.

Mình niệm còn đặng như vậy, huống chi lại khuyên người khác niệm.— Hễ khuyên đặng một người niệm, thì tức là thành-tựu cho một người phàm-phu làm Phật.- Được như vậy, thì công-đức lớn biết là dường nào; mà nếu lấy công-đức đó mà hồi hướng vảng-sanh, thì chắc là đặng mãn nguyện.

Phàm tụng kinh trì chú, lễ Phật cầu sám, cho đến những sự cứu-tai chẩn-bần, nếu làm đặng bao nhiêu công-đức phước-thiện, thì đều phải hồi hướng vảng-sanh Tây-phương, chớ chẳng nên cầu báo đặng kiếp sau sanh về cõi Nhơn-Thiên.

Nếu người nào cầu nguyện như thế ấy, thì mất phần vảng-sanh.— Nếu đã mất phần vảng-sanh, thì chẳng thoát khỏi vòng sanh-tử; vì sanh về cõi Trời, chỉ hưởng đặng phước lớn mà thôi.

Nhưng phước lớn chừng nào, thì nghiệp lớn chừng nấy, một mai phước hết, thì trở lại bị luân-hồi, đâu khỏi đọa vào trong ba đường: Súc-sanh, Ngạ-quỉ và Địa-ngục.— Đến khi ấy, dầu muốn sanh lại thân người, mà gặp pháp Tịnh-độ, thì thiệt là khó đặng.

Phật dạy người niệm Phật cầu sanh về Tây-phương là một phép mầu tuyệt điểm, chỉ tu trong một kiếp hiện-tại nầy, mà thoát đặng luân-hồi, khỏi ở trong đường sanh-tử nữa.

Vậy mà người niệm Phật lại cầu sanh về cõi Trời, chớ chẳng nguyện cầu sanh về Tây-phương, thật là trái hẳn với lời dạy của Phật.- Đó có khác nào đem một hột châu vô giá rất quí báu mà đổi một táng đường hay không?- Cho nên rất thương và rất tiếc!

Những người tu Tịnh-Độ chẳng nên vượt bực đến nẻo đường tham-cứu bên nhà tu Thiền, vì phía ấy không có để tâm chú-trọng về pháp "Tín-nguyện" mà cầu sanh.

Dầu họ có niệm Phật đi nữa, thì cũng chú trọng về sự tham-cứu, coi niệm Phật đó là ai, và bổn ý cứ nương cậy tự-lực đặng cần cho tâm của mình được khai-ngộ mà thôi, chớ không mong cầu đến Phật-lực.

Nguyên pháp ấy để cho người thượng-căn thượng-trí thiệt hành, nên rất khó tu.

Vã chăng sự nương cậy phần tự-lực không phải là việc dễ dàng; nên khi nào đã khai-ngộ cho sạch hết đặng cái hoặc-nghiệp, thì mới thoát khỏi đường sanh-tử; bằng như còn một chút tập-khí, thì không thế nào mong vượt ra khỏi nẻo ấy đặng.

Nếu tự-lực đã khó ỷ. mà lại không có tín-nguyện, thì do đâu mà nhờ đặng Phật-lực?

Nếu tự-lực và Phật-lực đều không có chỗ nương, mà muốn thoát khỏi luân-hồi, thì đâu có lý thoát đặng?

Những người tu hành phải biết rằng các vị pháp-thân Bồ-tát; trước khi thành Phật, đều nhờ oai-lực của Phật, nhiên-hậu mới thành tựu đặng pháp-thân; huống chi nghiệp-lực phàm-phu như chúng ta, mà khoe rằng lực mình chẳng nhờ lực Phật, nói tuy cao hết bực mà làm chẳng tới nơi, thì tất cảnh thân-tâm đâu có một chút gì là ích lợi.

Nếu đem «Tự-lực» so sánh với «Phật-lực», thì sự lớn sự nhỏ, và chỗ thấp chỗ cao, chỉ phân cách khác nhau như một bên trời và một bên vực vậy, chớ chẳng quan thiệp chút nào.— Vậy nên nguyện cho đồng-nhơn của chúng ta phải thể theo nghĩa ấy.

Người niệm Phật chẳng nên bắt chước theo kẻ mê-tín, mà làm kho để trả nợ thiên-khố và đốt giấy tiền vàng bạc đặng gởi dưới Âm-ty; vì sự trả nợ thiên-khố đó nguyên là sách của gian-tăng tạo ra, chớ không phải kinh của Phật nói. — Còn sự gởi tiền dưới Âm-phủ, thì thành ra mình tự nguyện làm quỉ sau khi chết, nên đem tiền gởi trước, đặng đề nữa mà tiêu dùng.

Nếu đã có lòng làm quỉ, thì phải mất vảng-sanh. Vậy các sự ấy, như chưa làm, thì chớ làm; còn như đã làm lỡ rồi, thì mình phải bầm bạch trước Phật rằng: «Đệ-tử tên gì, tu môn Tịnh-đô, quyết cầu vảng-sanh, khi trước tôi có gởi tiền nơi Âm-phủ, ngày nay xin đem của ấy chẩn lại cho Cô-hồn».

Nếu có bầm bạch như vậy, thì mới khỏi đều chướng-ngại cho phần vảng-sanh.

Còn như muốn tụng kinh, thì phải xét cho kỷ, nhiên hậu mới tụng.

Phàm như kinh Thọ-sanh, kinh Huyết-bồn, kinh Thái-dương, kinh Thái-âm, kinh Nhản-quang, kinh Ông-Táo, kinh Thai-cốt, kinh Phân-châu, kinh Diệu-sa, mấy thứ kinh ấy đều là gian-tăng ngụy tạo cả, quyết chẳng nên tin tới.

Than ôi! Những hạng người ngu-si, không biết tụng các thứ kinh Đại-thừa: như là kinh Di-Đà, kinh Vô-lượng-thọ, kinh Quán-vô-lượng-thọ, kinh Bác-nhả-tâm-kinh, kinh Kim-Cang, kinh Dược-sư, kinh Pháp-hoa, kinh Lăng-nghiêm, kinh Hoa-nghiêm, kinh Phổ-hiền-hạnh nguyện-phẩm, vân.. vân.. mà cứ mê-tín theo mấy bộ ngụy-kinh của bọn thầy đui làm ra.

Họ lại thường tụng kinh Thọ-sanh, đặng trả nợ «Thiên-khố», phá «Địa-ngục», và phá «Huyết-hồ» mới là an tâm, dẫu có gặp người tỏ lý, nói rằng kinh ấy là ngụy, thì cũng không tin.

Nên chúng ta phải biết rằng trong các việc Phật, chỉ có

công-đức niệm Phật là lớn nhứt, phải để dành tiền « trả nợ thiên-khổ », phá « Địa-ngục », và phá « Huyết-hồ » đó, mà thỉnh mấy nhà sư thiệt có lòng chơn-chánh đến niệm Phật đặng cầu nguyện cho mình, thì ích-lợi không biết bao nhiêu !

Những người niệm Phật phải ăn chay trường. — Như ăn chưa đặng, thì phải trì « lục-trai », hoặc « thập-trai », hay là « chánh-ngủ-cữu » cũng đặng.

« Lục-trai » là mỗi tháng ăn sáu ngày : 1° Mùng tám, — 2° mười bốn, — 3° rằm, — 4° hai mươi ba, — 5° hai mươi chín, — và 6° ba mươi.

Nếu ăn thêm được bốn ngày nữa : 1° mùng một, — 2° mười tám, — 3° hai mươi bốn, — và 4° hai mươi tám, thì gọi là « thập-trai ». Như gặp tháng thiếu, thì lui lại ăn chay ngày hai mươi bảy.

Còn như ăn trót tháng giêng, tháng năm, và tháng chín, thì gọi là « chánh-ngủ-cữu »; vì trong ba tháng đó, ăn chay luôn và làm các sự công đức.

Ngoài mấy ngày và mấy tháng trì-trai ấy, vì chưa dứt đặng sự ăn mặn, nên phải mua thịt chợ mà dùng, chớ không đặng sát-sanh tại nhà.

Nếu ngày nào cũng sát-sanh, thì nhà ấy thành ra một cái trường đâm chém sát hại, mà cái trường ấy là chỗ của ma hờn quỉ oán tụ hội, thì thiệt là bất tường.

Người niệm Phật phải khuyên cha mẹ cũng niệm Phật mà cầu sanh về Tây-phương.

Còn muốn cho cha mẹ trong khi lâm-chung đặng vảng-sanh, thì phải dặn hết cả bà con quyến thuộc trong nhà, đến lúc ấy xúm lại mà hộ-niệm, và dặn không đặng nhộn nhàng và khóc lóc.

Vậy nên phải biết rằng trong lúc cha mẹ lâm-chung, nhờ sự lợi-ích của bà con quyến thuộc hộ-niệm mà không đến đổi thất lạt chánh-niệm.

Đàn-bà con gái nhiều khi lâm cơn sản nạn, hoặc chuyển bụng hai ba ngày mà đẻ không đặng, hoặc sau khi đẻ rồi lại bị « băng-huyết » hay là « khản-huyết », hoặc sanh con ra có chứng « cấp-mạng kinh phong », nếu những người mang thai biết sợ mấy đều nguy-hiểm ấy, thì trong khi gần đẻ, phải hết lòng thành khẩn, niệm «*Nam-mô Quan-Thế-Âm Bồ-Tát* » cho lớn tiếng mới có hiệu-quả; chớ niệm thầm trong lòng, thì niệm-lực phải yếu và cảm-ứng cũng yếu.

Đức Quan-Thế-Âm đã sẵn lòng cứu khổ, gia dĩ chúng-sanh trong cõi Nam-Diêm Phù-Đề nầy lại sẵn có nhơn duyên với ngài, nên trong lúc lâm-bồn, mà thành tâm niệm danh-hiệu của ngài, thì chắc là dễ đẻ, và khỏi sự sản-hậu, khản-huyết và băng-huyết; còn đứa nhỏ cũng khỏi chứng kinh phong.

Như có người đàn-bà chửa nào khó đẻ và lại gần chết, mà mình dạy người ấy và những bà con tỷ tất đã xúm lại giúp đở đó, đồng lớn tiếng mà niệm « *Quan-Thế Âm Bồ-Tát*», đến những kẻ ở bốn phía nhà cũng hết lòng hộ niệm như vậy, thì chắc trong một phút, người đàn-bà chửa đặng bình an khỏe khoắn và đẻ được liền.

Các phái ngoại-đạo chẳng hiểu đặng lẻ ấy, cứ giữ một pháp cúng kính, chớ không biết theo sự luận lý; đến nỗi mấy bà già thường niệm Phật, cũng không dám đến chỗ sản phòng là chỗ cực-uế của con gái hay là nàng dâu mình đương đẻ, huống chi là bảo họ niệm «*Quan-Thế-Âm Bồ-Tát*».

Nên khuyên trong hàng phụ-nử phải biết rằng: đức Quan-Âm thiệt là từ-bi hỉ-xả, lấy hai chử «*cứu khổ*» làm lòng, biết trong khi mình lâm-bồn, tuy lỏa lồ và không sạch; nhưng chẳng qua là xuất ư vô-nại, không biết làm sao, chớ nguyên không phải là mình dám có ý khinh man.

Vậy nên niệm danh-hiệu của ngài, thì chẳng những không tội mà thôi, lại khiến cho mẹ con người đẻ thêm đặng phước lành nữa. Đó thiệt là lời của Phật nói trong kinh Dược-sư; còn ta thì chẳng qua là đề xướng ra đó mà thôi.

Con gái, từ mười bốn, mười lăm tuổi, đến bốn mươi tám, bốn mươi chín tuổi, thì mỗi tháng đều có một lần «nguyệt-tín».

Trong thế-gian có nhiều người nói rằng đương khi có « nguyệt-tín », thì không nên lễ niệm tụng kinh.- Lời nói đó thiệt không thông tinh-lý.

Vã chăng «nguyệt-tín», của con gái, có mau thì ba bốn bửa, còn chậm thì sáu bảy bửa mới dứt, mà Phật đã dạy những người tu trì phải niệm niệm nối nhau luôn, chớ không đặng gián đoạn.

Nếu vì một chút tiểu-ti đó mà cấm sự lễ niệm tụng kinh, thì làm sao cho khỏi dứt mất chánh-niệm, huống chi cái nghiệp nhơ-nhớp của chúng-sanh, từ kiếp vô-thỉ đến nay đã chứa đầy thế-giới, chẳng những một chút đó là nhớp mà thôi, còn như cái thân đương hiệ -tại của chúng-sanh đây, thì cũng là một đống xương thịt máu mủ, đủ thứ uế-hoang, chớ có sạch gì đâu !

Lại tháng ngày vắn vỏi, sanh tử vô thường, mà chấp pháp buộc người như thế, thì giả như đương trong khi «nguyệt-tín», đó gặp lúc mạng-chung, thì có phải là thiệt hại cho người ta hay không?

Vậy nay ta phát minh sự ấy tường tất chỏ. Phàm trong lúc có «nguyệt-tín», thì cho tụng kinh niệm Phật như thường, chỉ giảm bớt sự lạy mà thôi, nhưng phải thường thường thay giặt áo quần, rồi phải niệm chú rữa tay cho sạch, chớ để tay dơ mà thắp hương và lật kinh, thì phạm tội nặng.

Các pháp của Phật đều viên-thông cả, nhưng ngoại-đạo chỉ chấp cái lý sai biệt mà thôi. Còn người thì hay tin lời nói của ngoại-đạo, chớ không hiểu chánh lý; nên vì vậy mà tất cả bao nhiêu tín-đồ chẳng đặng nhờ các pháp ích-lợi của Phật.

Lời thệ-nguyện của đức Quan-Thế-Âm Bồ-Tát rất sâu rất rộng; ngài thường tìm tiếng của chúng-sanh mà cứu khổ.

Nếu chúng-sanh có gặp những đều hoạn-nạn: như đao

binh, nước, lửa, đói khát, sâu sia, ôn dịch, nắng, lụt, giặc, ăn cướp, oan-gia, thú dữ. rắn độc, quỉ ác, yêu tinh, bịnh oan-nghiệp, tiểu-nhơn mưu hại, và các sự rối-khó khác, mà biết phát-tâm cải ác tùng thiện, lợi cho mình và lợi cho người, hết lòng thành khẩn, niệm danh-hiệu của đức Quan-Thế-Âm, cứ niệm luôn luôn, thì chắc có nhờ ngài ủng hộ cho thoát khỏi tai-ương, không đến nỗi lâm lụy vào đường nguy-hiểm.

Phát tâm hướng thiện, thì có công-hiệu như trên đó. Nếu phát tâm mà còn có lòng bất-thiện, thì dầu hay niệm danh-hiệu của ngài, cũng chẳng qua là chưởng đặng cái thiện-căn về kiếp tương-lai mà thôi, chớ chẳng đặng cảm ứng về thân đương hiện-tại.

Vì Phật và Bồ-Tát đều thành tựu thiện-niệm cho chúng-sanh, chớ chẳng thành tựu ác-niệm; nên người nào chẳng phát-tâm cải quá từng thiện, mà muốn lấy sự niệm danh-hiệu của Phật và Bồ-Tát, đặng trong mong thành tựu cái ác-sự cho mình, thì chắc là không có cảm ứng.- Vậy khuyên ai chớ phát lòng điên đảo mà vô ích.

Sự trọng yếu trong pháp niệm Phật, cần nhứt phải giữ luân-thường và phải hết phận-sự; ly trần hiệp giác, bỏ ngụy còn thành, các thiện-sự phụng hành, các ác-niệm chớ khởi.

Phải giữ lòng tốt, nói lời tốt, làm việc tốt, như sức mình làm đặng, thì cứ làm cho chơn thiệt, như sức mình làm chẳng nổi, thì cũng phải phát cái lòng thiện-tâm, hay là kiếm người nào hữu-lực mà khuyên cho người ta làm, hoặc thấy người ta làm mà mình phát lòng hoan-hỷ, tỏ dấu khen ngợi cho người.- Đó là thuộc về công đức của lòng và miệng.

Còn nếu mình đã làm chẳng đặng, mà thấy người ta làm, lại sanh lòng ganh ghét, thì thành ra gan dạ của lũ gian-ác tiểu-nhơn, phải tổn phước tổn thọ, thì ngày sau kết quả không tốt.

Vậy nên phải kiên phải dè cho lắm, chớ đừng tật đố, đừng giả dối, đừng mưu danh cầu dự; vì mấy sự đó thiệt là trời đất quỉ thần đều ghét.

Trong đời có nhiều hạng phụ-nữ không hiểu đặng lý-nhơn-quả báo ứng, hoặc bất hiếu với cha mẹ chồng, hoặc khinh dể chồng, hoặc nịch-ái con trai con gái, hoặc hành hà tôi tớ, hoặc làm bé mà chẳng kỉnh vợ lớn, hoặc làm mẹ ghẻ mà hành phạt con chồng, ăn ở đủ đều bất-thiện, đó là vì bởi chẳng biết những sự thảo với cha mẹ chồng; kỉnh chồng, dạy con thương tớ, bảo dưỡng con chồng.

Mấy đều ấy, chánh là đạo thánh hiền của Thế-gian và, cũng là pháp bổn-nguyên trong nhà Phật.

Nếu làm đủ bấy nhiêu công đức, mà tu pháp Tịnh-Độ, thì danh-dự chắc cao, phước-thọ chắc nhiều, khi lâm-chung nhờ Phật đề huề lên thẳng đài sen chín phẩm.

Vì bởi có nhơn thì có quã; nếu mình chưởng nhơn tốt, thì chắc đặng quả lành. Nên thương người, tức là thương mình; còn hại người, tức là hại mình vậy.

Vậy khuyên trong hàng nữ-lưu, phải gắng mà lo cho hoàn toàn chức phận, rồi sau Phật Trời sẻ soi xét cho.

Con nít từ khi ba bốn tuổi, vừa có trí biết chút đỉnh, thì phải dạy nó cái đạo : « *hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ* », cái lý « *nhơn quả tam thế* », và cái sự « *lục đạo luân hồi* », đặng cho nó biết rằng cái tự-tâm của nó với cái tâm của Phật và Bồ-Tát cùng Trời-Đất Quỉ-Thần, thường thường thông nhau.

Hễ khởi một niệm hay là làm một việc bất chánh, thì Phật và Bồ-Tát cùng Trời Đất Quỉ Thần đã thấy rồi và biết rồi, rõ như các tướng xấu hiện trong gương sáng, không thể trốn tránh đặng.

Nếu dạy con nít như vậy, thì lâu ngày nó phải nhiễm, nó phải sợ sự ác mà sanh lòng lành.- Lời cổ-ngữ nói rằng:

« *Giáo phụ sơ lai, giáo tử anh hài* », nghĩa là : Dạy vợ lúc mới về, dạy con khi còn trẻ.

Vì tập giữ tánh thành, nên phải cẩn thận buổi ban đầu vậy.

Ôi! Cái nền trị-loạn trong thiên-hạ là giai cơ-sở nơi đó, nên chớ khi thị cái vấn-đề nầy là hu-huợt, không mật thiết, không bổ ích, mà đem để ra ngoài cuộc văn-minh ngày nay thì rất uổng.

Tờ «*Pháp-Bảo Tân-San*» của ngài Ấn-quang pháp-sư đã diễn hết nguyên-văn như trên đó rồi; còn tám câu của ngài phụ lục sau chót bài ấy, thì cũng diễn luôn như sau đây.

«Ngữ tuy chuyết phát, nghĩa bổn Phật kinh, nhược khẩu y hành, kỳ lợi vô cùng, khán quá thiết vật phế khí tiết độc, chuyển tống tha nhơn, đồng triêm pháp ích».

Nghĩa là: «lời nói tuy là thiệt thà, mà nghĩa gốc nơi kinh Phật; như ai chịu làm theo, thì lợi ích không cùng; coi rồi phải giữ gìn, chớ khinh mà bỏ vãi; bằng đưa người khác xem, thì có ích thứ nhứt».

(Xin xem luôn quyển thứ nhì, thì mới trọn bộ Tịnh-Độ-Tông).

CÁC VỊ CÓ CÔNG GIÚP THÀNH QUYỂN SÁCH NÀY :

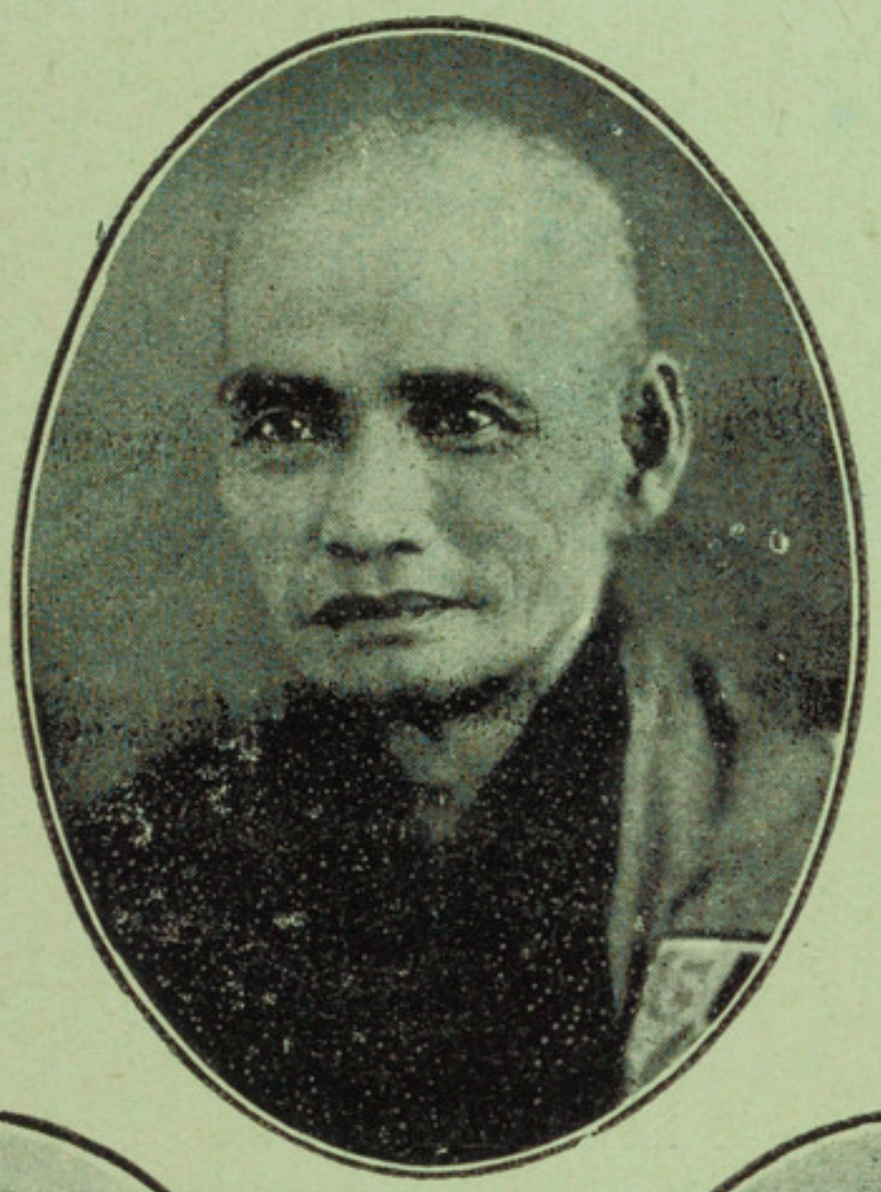

Hòa-thượng BÍCH-LIÊN

Chánh Chủ-bút « Từ-Bi-Âm »

Hội-viên táng-trợ Hội Nam-Kỳ Nghiên-Cứu Phật-Học

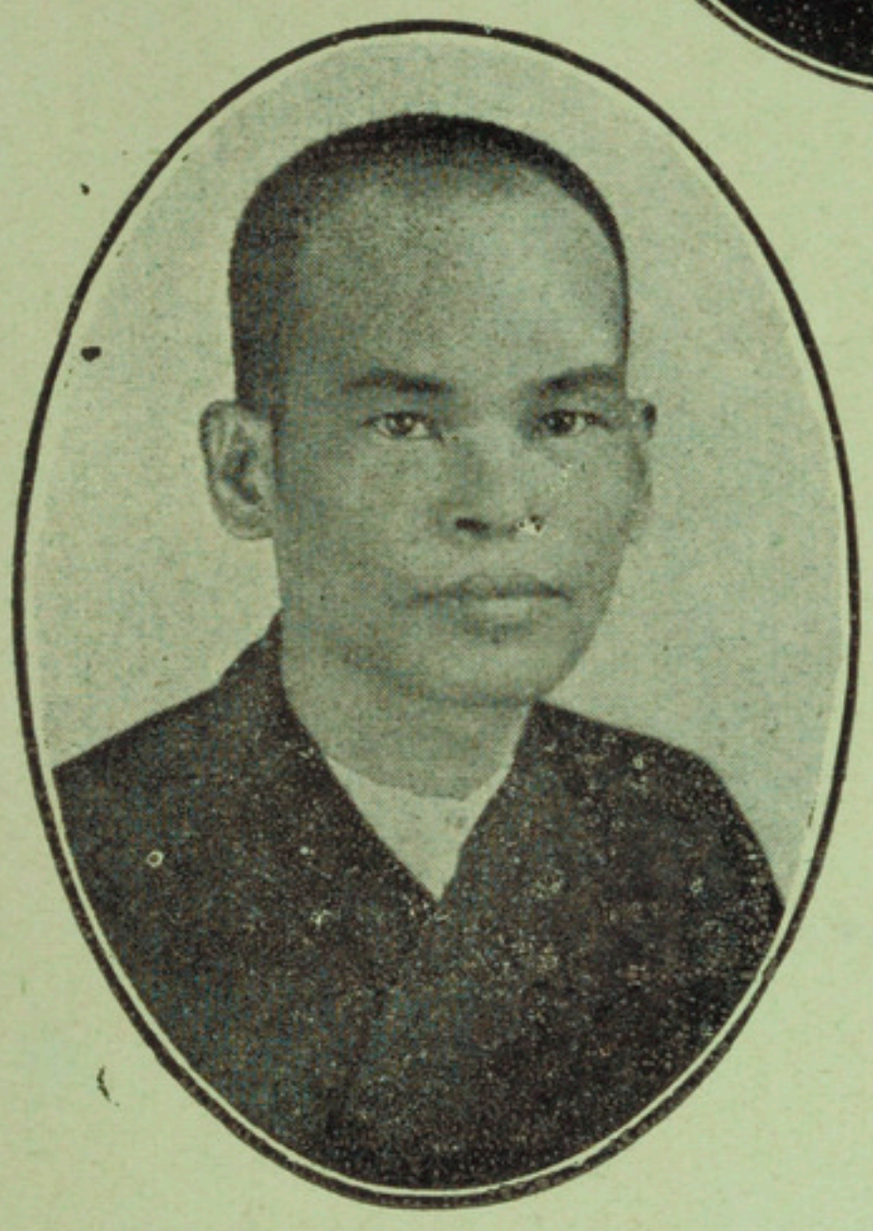

LIÊN-TÔN Đạo-Nhơn

Phó Chủ-bút « Từ-Bi-Âm »

Hội-viên táng-trợ
Hội Nam-Kỳ Nghiên-Cứu Phật-Học

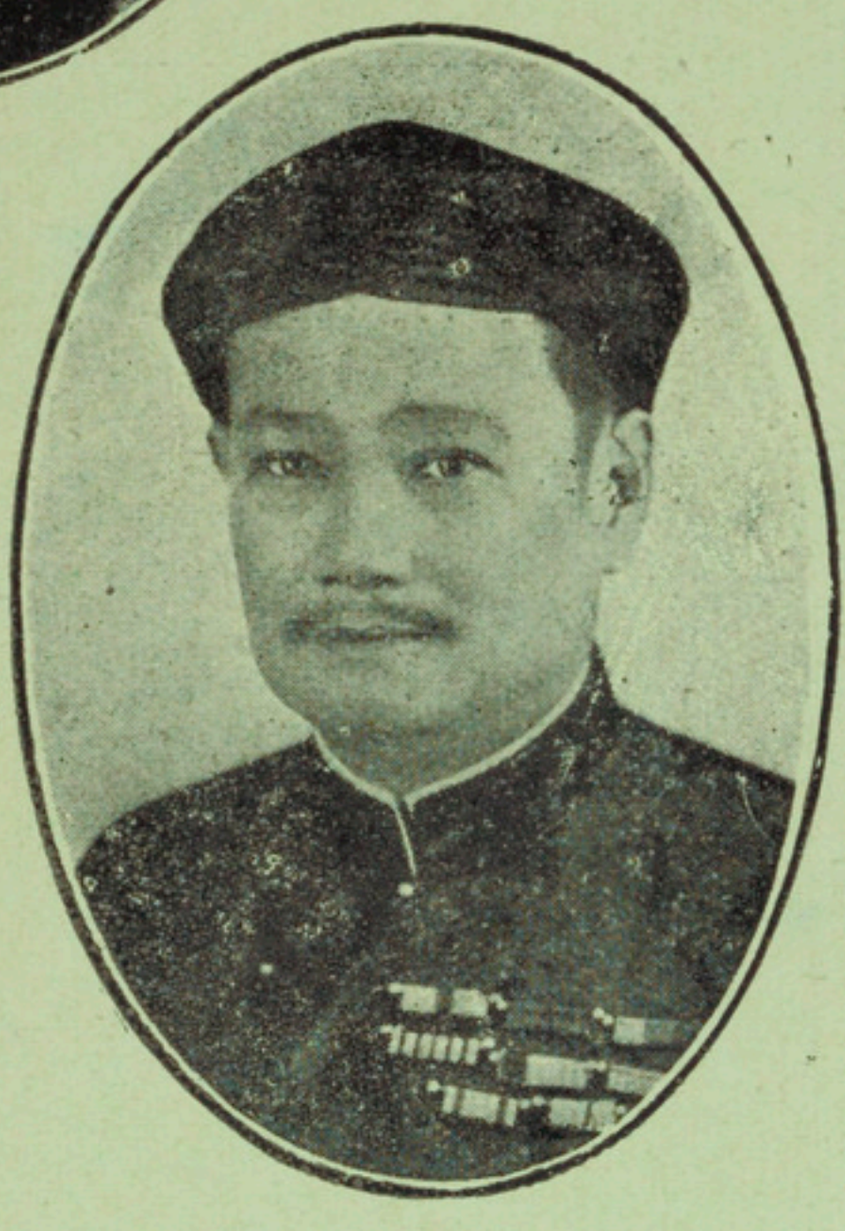

TRẦN-NGUYÊN-CHẤN

Quản-lý « Từ-Bi-Âm »

Phó-nhì Hội-trưởng
Hội Nam-Kỳ Nghiên-Cứu Phật-Học

IMPRIMERIE VIÊT-NAM
PHAM-NGOC-VINH
105-107-109 -:- Boulevard de la Somme -:- SAIGON
1935

Tirage 3000 exemplaires

IMPRIMERIE VIET-NAM
105-107
BOULEVARD DE LA SOMME SAIGON